

ĐỀ ÁN

Tuyển sinh đại học năm 2023 của Phân hiệu Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh tại tỉnh Vĩnh Long - Mã đăng ký xét tuyển: KSV

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường

Tên trường: Phân hiệu Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh tại tỉnh Vĩnh Long, gọi tắt là **UEH - Phân hiệu Vĩnh Long**.

Tên Tiếng Anh: University of Economics Ho Chi Minh City – Campus in Vinh Long.

2. Sứ mạng của trường:

UEH - Phân hiệu Vĩnh Long ra đời nhằm phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội vùng Đồng bằng sông Cửu Long thông qua đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đồng thời thực hiện nghiên cứu và chuyển giao khoa học trong lĩnh vực kinh tế, xã hội, tác động của biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường phục vụ phát triển kinh tế, phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, đào tạo nguồn giảng viên cho vùng.

3. Mã trường đăng ký xét tuyển: KSV

4. Địa chỉ các trụ sở:

- Trụ sở chính: Số 1B, Nguyễn Trung Trực, Phường 8, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.
- Các cơ sở học tập và làm việc của Phân hiệu:
 - + Cơ sở số 1B, Nguyễn Trung Trực, Phường 8, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.
 - + Cơ sở xã Phước Hậu, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

5. Địa chỉ trang thông tin điện tử của Phân hiệu:

- Website: <https://vinhlong.ueh.edu.vn>

6. Địa chỉ các trang mạng xã hội của Trường (có thông tin tuyển sinh):

- Cổng thông tin tuyển sinh: <https://tuyensinh.ueh.edu.vn>
hoặc <https://tuyensinhdaihoc.ueh.edu.vn/>
- Facebook: <https://www.facebook.com/uehvinhlong>

7. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:

- Điện thoại: 0270.3823.443
- Hotline: 0899.00.29.39

8. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp: Chưa có.

9. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

- Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất trên trang thông tin điện tử của Trường: <https://ueh.edu.vn/vinh-long/quy-che-cong-khai/>

9.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

- Năm 2021 và 2022, Phân hiệu Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh tại tỉnh Vĩnh Long (UEH-Phân hiệu Vĩnh Long) đã xét tuyển theo các phương thức tuyển sinh sau:

STT	Mã PT	Phương thức xét tuyển
1	301	Phương thức xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo
2	411	Phương thức xét tuyển thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT nước ngoài và có chứng chỉ quốc tế
3	201	Phương thức xét tuyển học sinh Giỏi
4	202	Phương thức xét tuyển quá trình học tập theo tổ hợp môn
5	402	Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh
6	100	Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT

9.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất

STT	Lĩnh vực/ Ngành/Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm 2021						Năm 2022					
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển các PT				Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển các PT			
					201	202	402	100			201	202	402	100
1	Lĩnh vực Nhân văn													
1	Ngành Ngôn ngữ Anh Tổ hợp XT phương thức 100: D01, D96 Tiếng Anh hệ số 2	100, 201, 202, 301, 402, 411	35	34	47	37	600	17	35	32	48	37	600	17
	Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý													
2	Ngành Quản trị kinh doanh Tổ hợp XT phương thức 100: A00, A01, D01, D07	100, 201, 202, 301, 402, 411	90	80	47	38.5	600	17	85	59	48	39	600	17
3	Ngành Marketing Tổ hợp XT phương thức 100: A00, A01, D01, D07	100, 201, 202, 301, 402, 411	70	66	47	37.5	600	17	70	63	48	39	600	17
4	Ngành Kinh doanh quốc tế Tổ hợp XT phương thức 100: A00, A01, D01, D07	100, 201, 202, 301, 402, 411	65	55	47	37.5	600	17	60	39	48	39	600	17
5	Ngành Thương mại điện tử Tổ hợp XT phương thức 100: A00, A01, D01, D07 Toán hệ số 2	100, 201, 202, 301, 402, 411	35	35	47	37	505	17	40	45	48	37	550	17
6	Ngành Tài chính – Ngân hàng Tổ hợp XT phương thức 100: A00, A01, D01, D07	100, 201, 202, 301, 402, 411	70	92	47	37.5	600	17	80	79	48	39	600	17
7	Ngành Kế toán Tổ hợp XT phương thức 100: A00, A01, D01, D07	100, 201, 202, 301, 402, 411	70	52	47	38.5	580	17	70	63	48	39	550	17
	Lĩnh vực Pháp luật													
8	Ngành Luật kinh tế Tổ hợp XT phương thức 100: A00, A01, D01, D96	100, 201, 202, 301, 402, 411	35	40	47	37	505	16	35	26	48	37	550	17

STT	Lĩnh vực/ Ngành/Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm 2021				Năm 2022							
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển các PT				Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển các PT			
					201	202	402	100			201	202	402	100
	Lĩnh vực công nghệ kỹ thuật													
9	Ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng Tổ hợp XT phương thức 100: A00, A01, D01, D07	100, 201, 202, 301, 402, 411							50	47	48	39	550	17
	Lĩnh vực Nông lâm nghiệp và thủy sản													
10	Ngành Kinh doanh nông nghiệp Tổ hợp XT phương thức 100: A00, A01, D01, D07	100, 201, 202, 301, 402, 411	35	19	47	37	505	16	35	10	48	37	500	16
	Lĩnh vực Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân													
11	Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành Tổ hợp XT phương thức 100: A00, A01, D01, D07	100, 201, 202, 301, 402, 411	45	19	47	37	600	16	40	3	48	37	600	16
	Cộng		550	492					600	466				

10. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo:

- Đường link công khai danh mục ngành được phép đào tạo trên trang thông tin điện tử của Trường: <https://ueh.edu.vn/dao-tao/dai-hoc-chinh-quy/cu-nhan-chinh-quy-chuan>

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đào tạo tại PHVL	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm TS
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)		(10)
1.	Công nghệ và đổi mới sáng tạo	7489001	3895/QĐ-ĐHKT-ĐBCLPTCT	08/12/2021			Trường ĐH Kinh tế TP.HCM	2022	2023	2022
2.	Kế toán	7340301	1594/QĐ-ĐHKT-ĐBCL	12/05/2014			Trường ĐH Kinh tế TP.HCM	1976	2020	2022
3.	Kinh doanh nông nghiệp	7620114	510/QĐ-ĐHKT-ĐBCLPTCT	24/06/2021			Trường ĐH Kinh tế TP.HCM	2021	2021	2022
4.	Kinh doanh quốc tế	7340120	409/QĐ-BGDĐT	11/02/2014			Bộ Giáo dục và Đào tạo	2013	2021	2022
5.	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	391/QĐ-ĐHKT-ĐBCL	28/02/2019			Trường ĐH Kinh tế TP.HCM	2020	2022	2022
6.	Luật kinh tế	7380107	516/QĐ-ĐHKT-ĐBCLPTCT	24/06/2021			Trường ĐH Kinh tế TP.HCM	2015	2021	2022
7.	Marketing	7340115	409/QĐ-BGDĐT	11/02/2014			Bộ Giáo dục và Đào tạo	2013	2021	2022
8.	Ngôn ngữ Anh	7220201	2625/QĐ-BGDĐT	25/07/2014			Bộ Giáo dục và Đào tạo	2015	2021	2022
9.	Quản trị khách sạn	7810201	1795/QĐ-ĐHKT-ĐBCLPTCT	24/06/2021			Trường ĐH Kinh tế	2016	2023	2023

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đào tạo tại PHVL	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm TS
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)		(10)
							TP.HCM			
10.	Quản trị kinh doanh	7340101	1594/QĐ-ĐHKT-ĐBCL	12/05/2014			Trường ĐH Kinh tế TP.HCM	1990	2020	2022
11.	Tài chính - Ngân hàng	7340201	1594/QĐ-ĐHKT-ĐBCL	12/05/2014			Trường ĐH Kinh tế TP.HCM	1986	2020	2022
12.	Thương mại điện tử	7340122	515/QĐ-ĐHKT-ĐBCLPTCT	24/06/2021			Trường ĐH Kinh tế TP.HCM	2021	2021	2022
13.	Trí tuệ nhân tạo	7480107	93/QĐ-ĐHKT-ĐBCLPTCT	11/01/2023			Trường ĐH Kinh tế TP.HCM	2023	2023	2023

11. Điều kiện bảo đảm chất lượng (Mẫu số 03)

Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của trường: <https://ueh.edu.vn/vinh-long/quy-che-cong-khai>

12. Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

Công thông tin: <https://tuyensinh.ueh.edu.vn/>, <https://tuyensinhdaihoc.ueh.edu.vn/> hoặc <https://vinhlong.ueh.edu.vn>

13. Đường link công khai Quy chế tuyển sinh của cơ sở đào tạo trên trang thông tin điện tử của CSĐT: Công thông tin điện tử: <https://tuyensinh.ueh.edu.vn/>

14. Đường link công khai Quy chế thi tuyển sinh (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi) trên trang thông tin điện tử của trường:

15. Đường link công khai Đề án tổ chức thi (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi) trên trang thông tin điện tử của trường:

II. Tuyển sinh đào tạo chính quy

1. Tuyển sinh chính quy đại học, cao đẳng (ngành Giáo dục Mầm non)

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh.

UEH-Phân hiệu Vĩnh Long tuyển sinh các đối tượng sau đây theo từng phương thức

- **Đối tượng 1:** Xét tuyển thẳng đối tượng theo quy định của Bộ GDĐT.

- **Đối tượng 2:** Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT nước ngoài và có chứng chỉ quốc tế.

- **Đối tượng 3:** Xét tuyển thí sinh là học sinh Giỏi, hạnh kiểm Tốt năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 chương trình THPT theo hình thức giáo dục chính quy, tốt nghiệp THPT năm 2023.

- **Đối tượng 4:** Xét tuyển thí sinh có quá trình học tập theo tổ hợp môn (theo quy định của Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh) đăng ký xét tuyển từ 6.50 trở lên tính cho các năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 của chương trình THPT theo hình thức giáo dục chính quy và tốt nghiệp THPT.

- **Đối tượng 5:** Xét tuyển thí sinh có kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP.HCM tổ chức đợt 1 năm 2023, tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ GDĐT.

- **Đối tượng 6:** Xét tuyển thí sinh tham gia kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023, trong đó có kết quả các bài thi/môn thi theo tổ hợp xét tuyển của UEH-Phân hiệu Vĩnh Long, tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ GDĐT

1.2. Phạm vi tuyển sinh.

1.2.1 Tuyển sinh trong cả nước đối với các ngành: Kinh doanh nông nghiệp, Thương mại điện tử, Quản trị khách sạn, Ngôn ngữ Anh, Logistic và Quản lý chuỗi cung ứng, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo, Robot và trí tuệ nhân tạo (hệ kỹ sư), chương trình cử nhân quốc tế Mekong.

1.2.2 Các ngành khác: Tuyển sinh học sinh có hộ khẩu thường trú tại 13 tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long (bao gồm: An Giang, Bạc Liêu, Bến Tre, Cà Mau, Cần Thơ, Đồng Tháp, Hậu Giang, Kiên Giang, Long An, Sóc Trăng, Tiền Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long).

1.3. Phương thức tuyển sinh.

- Năm 2023, Phân hiệu Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh tại tỉnh Vĩnh Long (**Mã trường KSV**) có 06 phương thức tuyển sinh:

Phương thức	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển
Phương thức 1	301	Phương thức xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GDĐT
Phương thức 2	411	Phương thức xét tuyển thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT nước ngoài và có chứng chỉ quốc tế
Phương thức 3	201	Phương thức xét tuyển học sinh Giỏi
Phương thức 4	202	Phương thức xét tuyển quá trình học tập theo tổ hợp môn
Phương thức 5	402	Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP.HCM tổ chức đợt 1 năm 2023
Phương thức 6	100	Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi TN THPT năm 2023

1.3.1. Phương thức 1: Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GDĐT

	Chương trình Chuẩn, Chương trình cử nhân quốc tế Mekong
Chỉ tiêu	1% chỉ tiêu theo CTĐT

1.3.2. Phương thức 2: Xét tuyển đối với thí sinh tốt nghiệp chương trình trung học phổ thông nước ngoài và có chứng chỉ quốc tế

	Chương trình Chuẩn, Chương trình cử nhân quốc tế Mekong
Chỉ tiêu	1% chỉ tiêu theo CTĐT
Điều kiện đăng ký xét tuyển	<p>A) Đối với thí sinh có quốc tịch Việt Nam, thuộc một trong các đối tượng:</p> <p>1. Thí sinh có một trong các bằng tú tài/chứng chỉ quốc tế sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bằng tú tài quốc tế IB (International Baccalaureate) đạt từ 26 điểm trở lên; - Chứng chỉ quốc tế của Trung tâm Khảo thí ĐH Cambridge, Anh (Cambridge International Examinations A-Level, UK; sau đây gọi tắt là chứng chỉ A-Level) đạt từ C đến A. - Chứng chỉ BTEC (Business & Technical Education Council, Hội đồng Giáo dục Thương mại và Kỹ thuật Anh) Level 3 Extended Diploma đạt từ C đến A. <p>2. Thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT nước ngoài và có một trong các chứng chỉ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứng chỉ IELTS từ 6.0 trở lên. - Chứng chỉ TOEFL iBT từ 73 điểm trở lên. - Chứng chỉ SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ) mỗi phần thi từ 500 điểm trở lên.

	Chương trình Chuẩn, Chương trình cử nhân quốc tế Mekong
	- Chứng chỉ ACT (American College Testing) từ 20 điểm (thang điểm 36) trở lên. B) Đối với thí sinh có quốc tịch khác quốc tịch Việt Nam và tốt nghiệp THPT nước ngoài: Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh thực hiện xét tuyển theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT. Lưu ý: Thời hạn các chứng chỉ quốc tế còn hiệu lực tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển.

1.3.3. Phương thức 3: Xét tuyển học sinh Giỏi

	Chương trình Chuẩn, Chương trình cử nhân quốc tế Mekong
Chỉ tiêu	20% chỉ tiêu theo CTĐT
Điều kiện đăng ký xét tuyển	Học sinh Giỏi, hạnh kiểm Tốt năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 của chương trình THPT theo hình thức giáo dục chính quy, tốt nghiệp THPT năm 2023
Cách xét tuyển	Điểm xét tuyển là tổng điểm được quy đổi từ 04 tiêu chí sau, trong đó 01 tiêu chí bắt buộc và 03 tiêu chí không bắt buộc: - Tiêu chí bắt buộc: Điểm trung bình học lực năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 (thỏa điều kiện Phương thức xét tuyển học sinh Giỏi). - Tiêu chí không bắt buộc: + Học sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế trong thời hạn (tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển học sinh Giỏi) tương đương IELTS từ 6.0 hoặc TOEFL iBT từ 73 trở lên (Xem Phụ lục I: Quy đổi chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương). + Học sinh đạt giải thưởng (Nhất, Nhì, Ba) kỳ thi chọn học sinh Giỏi THPT cấp tỉnh, cấp thành phố (trực thuộc trung ương) các môn: Toán, Vật lý, Hóa học, Tiếng Anh, Ngữ văn, Tin học. + Học sinh trường THPT chuyên/năng khiếu (Xem Phụ lục II: Danh sách các trường THPT chuyên/năng khiếu).

Bảng 1: Bảng điểm quy đổi các tiêu chí của phương thức xét tuyển học sinh Giỏi đối với chương trình Chuẩn, chương trình cử nhân quốc tế Mekong

	Điểm quy đổi xét tuyển theo ĐTB học lực năm lớp 10, 11, HK1-lớp 12				Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế					Giải thưởng kỳ thi chọn HSG THPT cấp Tỉnh/TP			Trường THPT Chuyên/năng khiếu		
	ĐTB học lực	ĐQĐ Lớp 10	ĐQĐ Lớp 11	ĐQĐ HK1-Lớp 12	IELTS (Academic)					Ba	Nhì	Nhất	Lớp		
					6.0	6.5	7.0	7.5	8(+)				10	11	12
Điểm quy đổi (ĐQĐ)	8.00 - 8.49	17	17	12	12	14	16	18	20	10	15	20	2	2	1
	8.50 - 8.99	18	18	13											
	9.00 - 9.49	19	19	14											
	9.50 - 10.0	20	20	15											

Lưu ý: Điểm trung bình học lực từng năm được ghi và làm tròn theo học bạ THPT.

1.3.4. Phương thức 4: Xét tuyển quá trình học tập theo tổ hợp môn

Chương trình Chuẩn, Chương trình cử nhân quốc tế Mekong	
Chỉ tiêu	20% đến 30% chỉ tiêu theo CTĐT
Điều kiện đăng ký xét tuyển	<p>Học sinh có điểm trung bình tổ hợp môn (theo quy định của Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh) đăng ký xét tuyển từ 6.5 trở lên cho các năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 của chương trình THPT theo hình thức giáo dục chính quy và tốt nghiệp THPT.</p> <p><i>Ví dụ: Học sinh chọn tổ hợp A00: Toán, Vật lý, Hóa học để đăng ký xét tuyển phải thỏa điều kiện:</i></p> <p>+ ĐTB tổ hợp A00 lớp 10 = [(Toán 10 + Vật lý 10 + Hóa học 10)/3] \geq 6.50 + ĐTB tổ hợp A00 lớp 11 = [(Toán 11 + Vật lý 11 + Hóa học 11)/3] \geq 6.50 + ĐTB tổ hợp A00 HK1_lớp 12 = [(Toán 12 + Vật lý 12 + Hóa học 12)/3] \geq 6.50</p> <p>Lưu ý: Thí sinh xét tuyển bằng tổ hợp môn có Ngoại ngữ là tiếng Đức, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật, Nga hoặc Pháp phải có chứng chỉ IELTS \geq 5.5 hoặc TOEFL iBT từ 62 điểm trở lên.</p>
Cách xét tuyển	<p>Điểm xét tuyển là tổng điểm được quy đổi từ 04 tiêu chí sau, trong đó 01 tiêu chí bắt buộc và 03 tiêu chí không bắt buộc:</p> <p>- Tiêu chí bắt buộc: Điểm trung bình tổ hợp môn đăng ký xét tuyển tính theo năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 (<i>thỏa điều kiện Phương thức xét tuyển quá trình học tập theo tổ hợp môn</i>).</p> <p>- Tiêu chí không bắt buộc:</p> <p>+ Học sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế trong thời hạn (tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển theo tổ hợp môn) tương đương IELTS từ 6.0 hoặc TOEFL iBT từ 73 trở lên (<i>Xem Phụ lục I: Quy đổi chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương</i>).</p> <p>+ Học sinh đạt giải thưởng (Nhất, Nhì, Ba) kỳ thi chọn học sinh Giỏi THPT cấp tỉnh, cấp thành phố (trực thuộc trung ương) các môn: Toán, Vật lý, Hóa học, Tiếng Anh, Ngữ văn, Tin học.</p> <p>+ Học sinh trường THPT chuyên/năng khiếu (<i>Xem Phụ lục II: Danh sách các trường THPT chuyên/năng khiếu</i>).</p>

Bảng 2: Bảng điểm quy đổi các tiêu chí của Phương thức xét tuyển quá trình học tập theo tổ hợp môn đối với chương trình Chuẩn, chương trình cử nhân quốc tế Mekong

	Điểm quy đổi xét tuyển theo trung bình tổ hợp môn đăng ký năm lớp 10, 11 và HK1-lớp 12				Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế					Giải thưởng kỳ thi chọn HSG THPT cấp Tỉnh/TP			Trường THPT Chuyên/năng khiếu		
	Điểm trung bình theo tổ hợp môn	ĐQĐ Lớp 10	ĐQĐ Lớp 11	ĐQĐ HK1-Lớp 12	IELTS (Academic)					Ba	Nhi	Nhất	Lớp		
					6.0	6.5	7.0	7.5	8(+)				10	11	12
Điểm quy đổi (ĐQĐ)	6.50 - 6.99	14	14	9	12	14	16	18	20	10	15	20	2	2	1
	7.00 - 7.49	15	15	10											
	7.50 - 7.99	16	16	11											
	8.00 - 8.49	17	17	12											
	8.50 - 8.99	18	18	13											
	9.00 - 9.49	19	19	14											
	9.50 - 10.00	20	20	15											

Lưu ý: Điểm môn học từng năm được ghi và làm tròn theo học bạ THPT. Điểm trung bình tổ hợp môn được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

1.3.5. Phương thức 5: Xét tuyển dựa trên kết quả thi đánh giá năng lực

Chương trình Chuẩn, Chương trình cử nhân quốc tế Mekong	
Chỉ tiêu	10% chỉ tiêu theo CTĐT
Điều kiện đăng ký xét tuyển	Học sinh tham gia kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP.HCM tổ chức đợt 1 năm 2023 và tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ GDĐT
Cách xét tuyển	Điểm xét tuyển là tổng điểm thí sinh đạt được trong kỳ thi đánh giá năng lực (theo quy định của Đại học Quốc gia TP.HCM)

1.3.6. Phương thức 6: Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023

Chương trình Chuẩn, Chương trình cử nhân quốc tế Mekong	
Chỉ tiêu	Chỉ tiêu còn lại
Điều kiện đăng ký xét tuyển	Thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ GDĐT, tham gia kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023, trong đó có kết quả các bài thi/môn thi theo tổ hợp xét tuyển của UEH.

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo.

- Tùy theo tình hình thực tế tuyển sinh, Phân hiệu Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh tại tỉnh Vĩnh Long sẽ điều chỉnh chỉ tiêu giữa các phương thức cho phù hợp quy mô tuyển sinh.

T T	Trình độ đào tạo	Mã đăng ký xét tuyển	Tên chương trình đào tạo xét tuyển	Phương thức xét tuyển thẳng			Phương thức thi sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài			Phương thức học sinh Giỏi			Phương thức tổ hợp môn			Phương thức thi đánh giá năng lực			Phương thức thi tốt nghiệp THPT 2023		
				Mã phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp P XT	Mã phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp P XT	Mã phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp P XT	Mã phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp P XT	Mã phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp P XT	Mã phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp P XT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)
1	Đại học	7220201	Tiếng Anh thương mại(*)	301	1	PT 1	411	1	PT 2	201	6	PT 3	202	9	PT 4	402	3	PT 5	100	10	D01, D96
2	Đại học	7340101	Quản trị	301	1	PT 1	411	1	PT 2	201	12	PT 3	202	18	PT 4	402	6	PT 5	100	22	A00, A01, D01, D07
3	Đại học	7340115	Marketing	301	1	PT 1	411	1	PT 2	201	14	PT 3	202	21	PT 4	402	7	PT 5	100	26	A00, A01, D01, D07
4	Đại học	7340120	Kinh doanh quốc tế	301	1	PT 1	411	1	PT 2	201	10	PT 3	202	15	PT 4	402	5	PT 5	100	18	A00, A01, D01, D07
5	Đại học	7340122	Thương mại điện tử(*)	301	1	PT 1	411	1	PT 2	201	10	PT 3	202	15	PT 4	402	5	PT 5	100	18	A00, A01, D01, D07
6	Đại học	7340201_01	Ngân hàng	301	1	PT 1	411	1	PT 2	201	8	PT 3	202	12	PT 4	402	4	PT 5	100	14	A00, A01, D01, D07

T T	Trin h độ đào tạo	Mã đăng ký xét tuyển	Tên chương trình đào tạo xét tuyển	Phương thức xét tuyển thẳng			Phương thức thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài			Phương thức học sinh Giỏi			Phương thức tổ hợp môn			Phương thức thi đánh giá năng lực			Phương thức thi tốt nghiệp THPT 2023		
				Mã phươn g thức xét tuyển	Chi tiêu (dự kiến)	Tổ hợ p XT	Mã phươn g thức xét tuyển	Chi tiêu (dự kiến)	Tổ hợ p XT	Mã phươn g thức xét tuyển	Chi tiêu (dự kiến)	Tổ hợ p XT	Mã phươn g thức xét tuyển	Chi tiêu (dự kiến)	Tổ hợ p XT	Mã phươn g thức xét tuyển	Chi tiêu (dự kiến)	Tổ hợ p XT	Mã phươn g thức xét tuyển	Chi tiêu (dự kiến)	Tổ hợ p xét tuyể n
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)
7	Đại học	7340201_0 2	Tài chính	301	1	PT 1	411	1	PT 2	201	8	PT 3	202	12	PT 4	402	4	PT 5	100	14	A00, A01, D01, D07
8	Đại học	7340301	Kế toán doanh nghiệp	301	1	PT 1	411	1	PT 2	201	12	PT 3	202	18	PT 4	402	6	PT 5	100	22	A00, A01, D01, D07
9	Đại học	7380107	Luật kinh tế(*)	301	1	PT 1	411	1	PT 2	201	6	PT 3	202	9	PT 4	402	3	PT 5	100	10	A00, A01, D01, D96
10	Đại học	7489001	Công nghệ và đổi mới sáng tạo(*)	301	1	PT 1	411	1	PT 2	201	6	PT 3	202	9	PT 4	402	3	PT 5	100	10	A00, A01, D01, D07
11	Đại học	7480107	Robot và Trí tuệ nhân tạo (hệ kỹ sư (*))	301	1	PT 1	411	1	PT 2	201	6	PT 3	202	9	PT 4	402	3	PT 5	100	10	A00, A01, D01, D07
12	Đại học	7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng(*)	301	1	PT 1	411	1	PT 2	201	10	PT 3	202	15	PT 4	402	5	PT 5	100	18	A00, A01, D01, D07

T T	Trin h độ đào tạo	Mã đăng ký xét tuyển	Tên chương trình đào tạo xét tuyển	Phương thức xét tuyển thẳng			Phương thức thi sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài			Phương thức học sinh Giới			Phương thức tổ hợp môn			Phương thức thi đánh giá năng lực			Phương thức thi tốt nghiệp THPT 2023		
				Mã phươn g thức xét tuyển	Chi tiêu (dự kiến)	Tổ hợ p XT	Mã phươn g thức xét tuyển	Chi tiêu (dự kiến)	Tổ hợ p XT	Mã phươn g thức xét tuyển	Chi tiêu (dự kiến)	Tổ hợ p XT	Mã phươn g thức xét tuyển	Chi tiêu (dự kiến)	Tổ hợ p XT	Mã phươn g thức xét tuyển	Chi tiêu (dự kiến)	Tổ hợ p XT	Mã phươn g thức xét tuyển	Chi tiêu (dự kiến)	Tổ hợ p xét tuyê n
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)
13	Đại học	7620114	Kinh Doanh Nông Nghệ(*)	301	1	PT 1	411	1	PT 2	201	6	PT 3	202	9	PT 4	402	3	PT 5	100	10	A00, A01, D01, D07
14	Đại học	7810201	Quản trị khách sạn(*)	301	1	PT 1	411	1	PT 2	201	6	PT 3	202	9	PT 4	402	3	PT 5	100	10	A00, A01, D01, D07
15	Đại học	Mekong- VL	Chương trình cử nhân quốc tế Mekong(*)	301	1	PT 1	411	1	PT 2	201	6	PT 3	202	9	PT 4	402	3	PT 5	100	10	A00, A01, D01, D07
Tổng:					15			15			126			189			63			222	

Ghi chú: (*) Các ngành có phạm vi tuyển sinh trong cả nước. Các ngành còn lại tuyển sinh học sinh có hộ khẩu thường trú tại 13 tỉnh ĐBSCL bao gồm: An Giang, Bạc Liêu, Bến Tre, Cà Mau, Cần Thơ, Đồng Tháp, Hậu Giang, Kiên Giang, Long An, Sóc Trăng, Tiền Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long.

1.5. Ngưỡng đầu vào

- Phương thức xét tuyển thẳng: Theo quy định của Bộ GD&ĐT.
- Phương thức xét tuyển thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT nước ngoài và có chứng chỉ quốc tế: Thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT nước ngoài và có chứng chỉ quốc tế thỏa điều kiện xét tuyển của Phương thức này.
- Phương thức xét tuyển học sinh Giỏi: Học sinh Giỏi, hạnh kiểm Tốt năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 của chương trình THPT theo hình thức giáo dục chính quy, tốt nghiệp THPT năm 2023.
- Phương thức xét tuyển quá trình học tập theo tổ hợp môn: Học sinh có điểm trung bình tổ hợp môn theo quy định của UEH-Phân hiệu Vĩnh Long đăng ký xét tuyển từ 6.50 trở lên cho các năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 của chương trình THPT theo hình thức giáo dục chính quy và tốt nghiệp THPT.
- Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi đánh giá năng lực: Trường sẽ thông báo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với từng ngành xét tuyển trên Công tuyển sinh Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh: www.tuyensinh.ueh.edu.vn sau khi có phổ điểm kỳ thi Đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP.HCM tổ chức đợt 1, năm 2023.
- Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023: Trường sẽ thông báo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với từng ngành xét tuyển sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023 trên Công tuyển sinh Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh: www.tuyensinh.ueh.edu.vn và theo lịch chung của Bộ GD&ĐT.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường: mã trường, mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển, mã phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển.

1.6.1. Thông tin Trường (Phân hiệu)

- Tên trường: **PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH TẠI TỈNH VĨNH LONG**

- Mã trường: **KSV**

- Cổng thông tin tuyển sinh: <https://tuyensinh.ueh.edu.vn/>

a. Chương trình Chuẩn:

- Thí sinh trúng tuyển vào UEH-Phân hiệu Vĩnh Long là đã trúng tuyển chương trình chuẩn.

- Học tại PHVL: 2,5 năm.

- Đăng ký tham gia luân chuyển học tại CSC TP. Hồ Chí Minh: 1 năm cuối.

b. Chương trình cử nhân quốc tế Mekong: Phối hợp cùng Viện ISB tuyển sinh: 30 chỉ tiêu.

Chương trình gồm 2 giai đoạn:

- Giai đoạn 1: Giai đoạn 1 (1,5 năm): Học tại Phân hiệu Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh tại tỉnh Vĩnh Long.

- Giai đoạn 2: Chuyển tiếp học tập tại Viện ISB (thuộc UEH) hoặc các trường đại học hàng đầu thế giới liên kết với Viện ISB.

c. Thông tin ngành, chương trình mã đăng ký xét tuyển, tổ hợp xét tuyển, chỉ tiêu:

STT	Mã đăng ký xét tuyển	Chương trình đào tạo	Thuộc ngành	Phạm vi tuyển sinh	Tổ hợp xét tuyển PT4	THXT PT6 thi TNTHPT 2023	Chỉ tiêu 2023
(1)	(2)	(3)	(4)	(8)	(9)	(10)	(11)
I Lĩnh vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản							
1	7620114	Kinh Doanh Nông Nghiệp ^(s)	Kinh doanh nông nghiệp	Tuyển sinh cả nước	- A00 - A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3 - D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2 - D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH22	A00, A01, D01, D07	30
II Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý							
2	7340101	Quản trị	Quản trị kinh doanh	Tuyển sinh 13 tỉnh ĐBSCL	- A00 - A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3 - D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2 - D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH22	A00, A01, D01, D07	60
3	7340120	Kinh doanh quốc tế	Kinh doanh quốc tế	Tuyển sinh 13 tỉnh ĐBSCL			50
4	7340115	Marketing	Marketing	Tuyển sinh 13 tỉnh ĐBSCL			70
5	7340201_01	Ngân hàng	Tài chính – Ngân hàng	Tuyển sinh 13 tỉnh ĐBSCL			40
6	7340201_02	Tài chính		Tuyển sinh 13 tỉnh ĐBSCL			40
7	7340301	Kế toán doanh nghiệp	Kế toán	Tuyển sinh 13 tỉnh ĐBSCL			60
8	7340122	Thương mại điện tử ^(*)	Thương mại điện tử	Tuyển sinh cả nước			50
III Lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật							
9	7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Tuyển sinh cả nước	- A00 - A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3 - D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2 - D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH22	A00, A01, D01, D07	50
IV Lĩnh vực Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân							
10	7810201	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	Tuyển sinh cả nước	- A00 - A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3 - D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2 - D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH22	A00, A01, D01, D07	30
V Lĩnh vực Nhân văn							
11	7220201	Tiếng Anh thương mại ^(**)	Ngôn ngữ Anh	Tuyển sinh cả nước	- D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2	D01, D96	30
VI Lĩnh vực Pháp luật							
12	7380107	Luật kinh tế	Luật kinh tế	Tuyển sinh cả nước	- A00	A00, A01, D01, D96	30

STT	Mã đăng ký xét tuyển	Chương trình đào tạo	Thuộc ngành	Phạm vi tuyển sinh	Tổ hợp xét tuyển PT4	THXT PT6 thi TNTHPT 2023	Chỉ tiêu 2023
(1)	(2)	(3)	(4)	(8)	(9)	(10)	(11)
					- A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3 - D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2		
VII Lĩnh vực Công nghệ thông tin, máy tính							
13	7489001	Công nghệ và đổi mới sáng tạo	Công nghệ và đổi mới sáng tạo	Tuyển sinh cả nước	- A00 - A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3 - D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2 - D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH22	A00, A01, D01, D07	30
14	7480107	Robot và Trí tuệ nhân tạo (hệ kỹ sư)	Trí tuệ nhân tạo	Tuyển sinh cả nước	- A00 - A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3 - D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2 - D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH22	A00, A01, D01, D07	30
15	Mekong-VL	Chương trình Cử nhân quốc tế Mekong được cấp bằng bởi: WSU (Úc); VUW (New Zealand); UVic (Canada); MUST (Đài Loan)	Tài chính ứng dụng Marketing và Truyền thông Kinh doanh quốc tế Quản trị nguồn nhân lực Kế toán	Tuyển sinh cả nước	- A00 - A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3 - D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2 - D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH22	A00, A01, D01, D07	30
					Tổng:		630

(S): Có chương trình đào tạo song bằng tích hợp.

(*): Toán nhân hệ số 2 (Đối với PT6 thi TNTHPT 2023), quy về thang điểm 30.

(**): Tiếng Anh hệ số 2 (Đối với PT6 thi TNTHPT 2023), quy về thang điểm 30.

c. Tổ hợp xét tuyển:

STT	Mã tổ hợp môn	Tên tổ hợp môn	Mã môn	PT4: Tổ hợp môn	PT6: Thi TNTHPT 2023
1	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	TO-LI-HO	Sử dụng	Sử dụng
2	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	TO-LI-N1	Sử dụng	Sử dụng
3	D27	Toán, Vật lí, Tiếng Nga	TO-LI-N2	Điều kiện: IELTS \geq 5.5 (*)	Không sử dụng
4	D29	Toán, Vật lí, Tiếng Pháp	TO-LI-N3		Không sử dụng

STT	Mã tổ hợp môn	Tên tổ hợp môn	Mã môn	PT4: Tổ hợp môn	PT6: Thi TNTHPT 2023
5	D30	Toán, Vật lí, Tiếng Trung	TO-LI-N4		Không sử dụng
6	D26	Toán, Vật lí, Tiếng Đức	TO-LI-N5		Không sử dụng
7	D28	Toán, Vật lí, Tiếng Nhật	TO-LI-N6		Không sử dụng
8	AH3	Toán, Vật lí, Tiếng Hàn	TO-LI-N7		Không sử dụng
9	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	TO-VA-N1	Sử dụng	Sử dụng
10	D02	Ngữ văn, Toán, Tiếng Nga	TO-VA-N2		Không sử dụng
11	D03	Ngữ văn, Toán, Tiếng Pháp	TO-VA-N3		Không sử dụng
12	D04	Ngữ văn, Toán, Tiếng Trung	TO-VA-N4		Không sử dụng
13	D05	Ngữ văn, Toán, Tiếng Đức	TO-VA-N5		Không sử dụng
14	D06	Ngữ văn, Toán, Tiếng Nhật	TO-VA-N6		Không sử dụng
15	DD2	Ngữ văn, Toán, Tiếng Hàn	TO-VA-N7		Không sử dụng
16	D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	TO-HO-N1	Sử dụng	Sử dụng
17	D22	Toán, Hóa học, Tiếng Nga	TO-HO-N2		Không sử dụng
18	D24	Toán, Hóa học, Tiếng Pháp	TO-HO-N3		Không sử dụng
19	D25	Toán, Hóa học, Tiếng Trung	TO-HO-N4		Không sử dụng
20	D21	Toán, Hóa học, Tiếng Đức	TO-HO-N5		Không sử dụng
21	D23	Toán, Hóa học, Tiếng Nhật	TO-HO-N6		Không sử dụng
22	AH2	Toán, Hóa học, Tiếng Hàn	TO-HO-N7		Không sử dụng
23	D96	Toán, Khoa học xã hội, Tiếng Anh	TO-N1-XH	Không sử dụng	Sử dụng

1.6.2. Nguyên tắc xét tuyển

a. Nguyên tắc chung

- Thí sinh đăng ký xét tuyển độc lập cho 2 mã tuyển sinh của UEH là KSA (học tập TP.HCM) và KSV (học tại Phân hiệu Vĩnh Long).

- Có 2 nhóm chương trình tuyển sinh độc lập cho mã tuyển sinh KSV (học tại Phân hiệu Vĩnh Long). Bao gồm:

+ Chương trình chuẩn.

+ Chương trình cử nhân quốc tế Mekong học tại Phân hiệu Vĩnh Long (KSV).

- Tùy theo phạm vi tuyển sinh của các chương trình đào tạo của mã KSV (khu vực ĐBSCL hay toàn quốc) mà thí sinh có thể đăng ký đồng thời 2 nhóm tuyển sinh trên.

- Trường hợp thí sinh được Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh (KSV) thông báo đủ điều kiện trúng tuyển phương thức xét tuyển sớm (PT1, 2, 3, 4, 5), thí sinh phải tiếp tục đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên hệ thống của Bộ GDĐT, thí sinh tự quyết định việc đặt thứ tự ưu tiên nguyện vọng khi đăng ký trên hệ thống Bộ GDĐT, trong đó nguyện vọng số 1 thể hiện nguyện vọng cao nhất.

- Sau khi Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh (KSV) công bố kết quả trúng tuyển cho tất cả các phương thức (PT xét tuyển thẳng, PT xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài và có chứng chỉ quốc tế, PT xét tuyển học sinh giỏi, PT xét tuyển tổ hợp môn, PT xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia - TP.HCM đợt 1, năm 2023, PT xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023) thí sinh trúng tuyển phải thực hiện thủ tục xác nhận nhập học theo quy định của Bộ GDĐT trước khi nhập học tại Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

b. Nguyên tắc xét tuyển chung và số nguyện vọng giữa các phương thức của chương trình Chuẩn, Chương trình Cử nhân tài năng Mekong:

b1. Nguyên tắc xét tuyển chung:

- Thí sinh có thể đăng ký nhiều phương thức khác nhau trong tuyển sinh đại học năm 2023 của Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh trong cùng 1 mã tuyển sinh (KSV);

- Trường hợp thí sinh trúng tuyển 01 chương trình đào tạo nhiều phương thức xét tuyển sớm (PT1, 2, 3, 4, 5), Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh (KSV) xác định 01 phương thức trúng tuyển duy nhất của thí sinh theo thứ tự ưu tiên sau:

+ 1: Phương thức xét tuyển thẳng.

+ 2: Phương thức xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài và có chứng chỉ quốc tế.

+ 3: Phương thức xét tuyển học sinh giỏi.

+ 4: Phương thức xét tuyển tổ hợp môn.

+ 5: Phương thức xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia - TP.HCM đợt 1, năm 2023.

b2. Số nguyện vọng:

- Phương thức xét tuyển thẳng: Theo quy định của Bộ GDĐT.

- Phương thức xét tuyển thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT nước ngoài và có chứng chỉ quốc tế; Phương thức xét tuyển học sinh Giỏi; Phương thức xét tuyển quá trình học tập theo tổ hợp môn; Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi đánh giá năng lực: Thí sinh đăng ký tối đa 02 nguyện vọng/phương thức cho tất cả các chương trình đào tạo, sắp xếp nguyện vọng (NV) từ cao xuống thấp (NV1 là NV cao nhất)

- Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023: Theo quy định của Bộ GDĐT.

c. Nguyên tắc xét tuyển từng chương trình:

c.1. Phương thức xét tuyển thẳng: Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GDĐT và của Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

c.2. Phương thức xét tuyển thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT nước ngoài và có chứng chỉ quốc tế:

- Điểm xét tuyển là tổng điểm thí sinh đạt được khi tốt nghiệp chương trình tú tài, THPT nước ngoài hay chứng chỉ quốc tế.

- Trong tất cả các ngành, thí sinh được xét bình đẳng theo Điểm xét tuyển từ cao xuống thấp, không phân biệt thứ tự của nguyện vọng đăng ký.

- Nếu thí sinh đã trúng tuyển 01 nguyện vọng, sẽ không xét nguyện vọng tiếp theo.

- **Tiêu chí phụ trong xét tuyển Phương thức xét tuyển thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT nước ngoài và có chứng chỉ quốc tế:** Trong trường hợp nhiều thí sinh cùng điểm xét tuyển ở cuối danh sách và vượt chỉ tiêu tuyển sinh, UEH-Phân hiệu Vĩnh Long sử dụng tiêu chí phụ để xét tuyển như sau: Thứ tự nguyện vọng (Trong đó nguyện vọng 1 là cao nhất).

c.3. Phương thức xét tuyển học sinh Giỏi:

- Điểm xét tuyển là tổng điểm được quy đổi từ 04 tiêu chí của Phương thức xét tuyển học sinh Giỏi theo thang điểm 100, cộng điểm ưu tiên đối tượng, khu vực (nếu có và quy về mức điểm theo quy định của UEH).

- Trong tất cả các CTĐT, thí sinh được xét bình đẳng theo Điểm xét tuyển từ cao xuống thấp, không phân biệt thứ tự nguyện vọng đăng ký (trừ trường hợp quy định tại nội dung **Tiêu chí phụ trong xét tuyển** của Phương thức xét tuyển học sinh Giỏi).

- Mức điểm ưu tiên đối tượng và khu vực (Chính sách ưu tiên đối tượng, khu vực) được quy định trong quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ GDĐT và được quy đổi đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 75,00 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 100) được xác định theo công thức:

$$\text{Điểm ưu tiên quy đổi xét tuyển} = [(100 - \text{Tổng điểm đạt được})/25,00] \times (\text{Mức điểm ưu tiên đối tượng theo thang điểm 100} + \text{Mức điểm ưu tiên khu vực thang điểm 100})$$

Trong đó, mức điểm ưu tiên đối tượng, ưu tiên khu vực theo thang điểm 100:

Ưu tiên đối tượng		Ưu tiên khu vực	
Đối tượng	Mức điểm ưu tiên đối tượng	Khu vực	Mức điểm ưu tiên khu vực
ĐT1 đến ĐT4	6.67	KV1	2.50
ĐT5 đến ĐT7	3.33	KV2-NT	1.67
		KV2	0.83
		KV3	0

- Nếu thí sinh đã trúng tuyển 01 nguyện vọng, sẽ không xét nguyện vọng tiếp theo.

- **Tiêu chí phụ trong xét tuyển Phương thức xét tuyển học sinh Giỏi:** Trong trường hợp nhiều thí sinh cùng điểm xét tuyển ở cuối danh sách và vượt chỉ tiêu tuyển sinh, UEH-Phân hiệu Vĩnh Long sử dụng tiêu chí phụ để xét tuyển theo thứ tự như sau: 1. Điểm trung bình môn Toán học kỳ 1 lớp 12; 2. Điểm trung bình môn tiếng Anh học kỳ 1 lớp 12; 3. Thứ tự nguyện vọng.

c.4. Phương thức xét tuyển quá trình học tập theo tổ hợp môn

- Điểm xét tuyển là tổng điểm được quy đổi từ 04 tiêu chí của Phương thức xét tuyển quá trình học tập theo tổ hợp môn theo thang điểm 100, cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực (nếu có và quy về mức điểm theo quy định của UEH).

- Trong tất cả các CTĐT, thí sinh được xét bình đẳng theo Điểm xét tuyển từ cao xuống thấp, không phân biệt thứ tự của nguyện vọng đăng ký (trừ trường hợp quy định tại nội dung Tiêu chí phụ trong xét tuyển của Phương thức xét tuyển quá trình học tập theo tổ hợp môn).

- Mức điểm ưu tiên đối tượng và khu vực (Chính sách ưu tiên đối tượng, khu vực) được quy định trong quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ GDĐT và được quy đổi đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 75,00 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 100) được xác định **theo công thức như Phương thức học sinh Giỏi.**

- Nếu thí sinh đã trúng tuyển 01 nguyện vọng, sẽ không xét nguyện vọng tiếp theo.

- **Tiêu chí phụ trong xét tuyển Phương thức xét tuyển quá trình học tập theo tổ hợp môn:** Trong trường hợp nhiều thí sinh cùng điểm xét tuyển ở cuối danh sách và vượt chỉ tiêu tuyển sinh, UEH-Phân hiệu Vĩnh Long sử dụng tiêu chí phụ để xét tuyển theo thứ tự như sau: 1. Điểm trung bình môn Toán học kỳ 1 lớp 12; 2. Điểm trung bình môn tiếng Anh học kỳ 1 lớp 12; 3. Thứ tự nguyện vọng.

c.5. Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi đánh giá năng lực:

- Điểm xét tuyển là tổng điểm thí sinh đạt được trong kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia TP.HCM tổ chức đợt 1, năm 2023 theo thang điểm 1200 (theo quy định của Đại học Quốc gia TP.HCM) cộng điểm ưu tiên đối tượng, khu vực (nếu có và quy về thang điểm theo quy định UEH).

- Trong tất cả các CTĐT, thí sinh được xét bình đẳng theo Điểm xét tuyển từ cao xuống thấp, không phân biệt thứ tự của nguyện vọng đăng ký (trừ trường hợp quy định tại nội dung Tiêu chí phụ trong xét tuyển của Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi đánh giá năng lực).

- Mức điểm ưu tiên đối tượng và khu vực (Chính sách ưu tiên đối tượng, khu vực) được quy định trong quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ GDĐT và được quy đổi đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 900,00 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 1200) được xác định theo công thức:

$$\text{Điểm ưu tiên quy đổi xét tuyển} = [(1200 - \text{Tổng điểm đạt được})/300,00] \times (\text{Mức điểm ưu tiên đối tượng theo thang điểm 1200} + \text{Mức điểm ưu tiên khu vực theo thang điểm 1200})$$

Trong đó, mức điểm ưu tiên đối tượng, ưu tiên khu vực theo thang điểm 1200:

Ưu tiên đối tượng		Ưu tiên khu vực	
Đối tượng	Mức điểm ưu tiên đối tượng	Khu vực	Mức điểm ưu tiên khu vực
ĐT1 đến ĐT4	80	KV1	30
ĐT5 đến ĐT7	40	KV2-NT	20
		KV2	10
		KV3	0

- Nếu thí sinh đã trúng tuyển 01 nguyện vọng, sẽ không xét nguyện vọng tiếp theo.

- **Tiêu chí phụ trong xét tuyển Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi đánh giá năng lực:** Trong trường hợp nhiều thí sinh cùng điểm xét tuyển ở cuối danh sách và vượt chỉ tiêu tuyển sinh, UEH-Phân hiệu Vĩnh Long sử dụng tiêu chí phụ để xét tuyển như sau: Thứ tự nguyện vọng (Trong đó nguyện vọng 1 là cao nhất).

c.6. Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023

- Điểm xét tuyển là tổng điểm các bài thi/môn thi theo thang điểm 10 đối với từng bài thi/môn thi của từng tổ hợp xét tuyển, cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực và được làm tròn đến hai chữ số thập phân (quy đổi trong trường hợp tổ hợp xét tuyển có bài thi/môn thi tính hệ số) theo Quy định trong Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GDĐT.

- Đối với từng CTĐT, thí sinh được xét tuyển bình đẳng theo kết quả thi, không phân biệt thứ tự nguyện vọng đăng ký (trừ trường hợp quy định tại nội dung Tiêu chí phụ trong xét tuyển của Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023).

- Nếu thí sinh đã trúng tuyển 01 nguyện vọng, sẽ không xét nguyện vọng tiếp theo.

- Phân hiệu Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh tại tỉnh Vĩnh Long chỉ sử dụng kết quả điểm thi của bài thi, điểm thi các môn thi thành phần của bài thi Khoa học tự nhiên trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 để xét tuyển. Không sử dụng kết quả miễn thi môn Ngoại ngữ (tiếng Anh).

- **Tiêu chí phụ trong xét tuyển của Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023:** Trong trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét tuyển ở cuối danh sách và vượt chỉ tiêu tuyển sinh, UEH-Phân hiệu Vĩnh Long sử dụng tiêu chí phụ để xét tuyển theo thứ tự: 1. Kết quả bài thi Toán, 2. Kết quả bài thi tiếng Anh, 3. Thứ tự nguyện vọng.

1.6.3. Các chương trình

1.6.3.1. Chương trình Chuẩn:

- Thí sinh trúng tuyển vào UEH-Vĩnh Long là đã trúng tuyển chương trình chuẩn.

- Học tại PHVL: 2,5 năm.

- Đăng ký tham gia luân chuyển học tại CSC TP. Hồ Chí Minh: 1 năm cuối.

1.6.3.2. Chương trình cử nhân quốc tế Mekong: Phối hợp cùng Viện ISB tuyển sinh: 30 chỉ tiêu.

a. Chương trình gồm 2 giai đoạn:

- Giai đoạn 1: Giai đoạn 1 (1,5 năm): Học tại Phân hiệu Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh tại tỉnh Vĩnh Long.

- Giai đoạn 2: Chuyển tiếp học tập tại Viện ISB hoặc các trường đại học hàng đầu thế giới liên kết với Viện ISB.

b. Điều kiện tuyển sinh, bằng cấp:

c. Điều kiện tuyển sinh:

- Phạm vi tuyển sinh toàn quốc và các tỉnh vùng sông mekong (Lào, Campuchia, Thái Lan, ...).

- Để được xét tuyển vào chương trình, thí sinh phải đạt các điều kiện sau:

+ Là học sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông, có điểm Trung bình năm học lớp 12 hoặc điểm thi Tốt nghiệp Trung học phổ thông đạt điểm xét tuyển được công bố hàng năm; hoặc

+ Là học sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông, trúng tuyển vào Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh năm 2023;

+ Đồng thời, học sinh cần có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương IELTS (Academic) 5.5 (Viết 5.0) hoặc đạt yêu cầu bài kiểm tra tiếng Anh đầu vào theo quy định.

Lưu ý: Đối với các thí sinh trúng tuyển chưa có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS từ 5.5 trở lên phải đạt điểm chuẩn bài thi tiếng Anh đầu vào (Placement Test) của chương trình (Đối với sinh viên chưa đạt trình độ tiếng anh đầu vào tương đương IELTS 5.5 ((Viết 5.0) sẽ tham gia vào chương trình đào tạo Tiếng anh học thuật (EAP) trước khi bước vào giai đoạn đào tạo chính khóa).

d. Bằng cấp: Do trường đối tác cấp bằng.

1.6.3.3. Chương trình song ngành tích hợp:

- Kinh doanh nông nghiệp - Logistic và Quản lý chuỗi cung ứng.
- Kinh doanh nông nghiệp - Kinh doanh quốc tế.

Sinh viên học tổng thời gian 4,5 - 5,0 năm để sở hữu 02 bằng tốt nghiệp đại học chính quy do Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh cấp.

1.7. Tổ chức tuyển sinh:

a) Phương thức xét tuyển thẳng.

- Thí sinh nộp hồ sơ tại UEH-Phân hiệu Vĩnh Long (Phòng Tuyển sinh – Truyền thông, địa chỉ: 1B Nguyễn Trung Trực, Phường 8, Tp. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) theo thời gian quy định của Bộ GD&ĐT.

- Thí sinh xem hướng dẫn cụ thể trên Cổng thông tin tuyển sinh: <https://tuyensinh.ueh.edu.vn> hoặc <https://vinhlong.ueh.edu.vn>

b) Phương thức xét tuyển thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT nước ngoài và có chứng chỉ quốc tế; Phương thức xét tuyển học sinh Giỏi; Phương thức xét tuyển quá trình học tập theo tổ hợp môn; Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi đánh giá năng lực:

- Thí sinh xem hướng dẫn cụ thể trên Cổng thông tin tuyển sinh: <https://tuyensinh.ueh.edu.vn> hoặc <https://vinhlong.ueh.edu.vn>

- Sau khi đăng ký xong trên Cổng tuyển sinh của Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh (cổng xét tuyển của UEH-Phân hiệu Vĩnh Long), thí sinh tiếp tục đăng ký nguyện vọng trên hệ thống của Bộ GD&ĐT theo kế hoạch chung.

c) Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023:

- Thí sinh đăng ký xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Sau khi có kết quả tốt nghiệp THPT năm 2023 và theo lịch chung của Bộ GD&ĐT, UEH-Phân hiệu Vĩnh Long sẽ thông báo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với từng ngành xét tuyển trên Cổng thông tin tuyển sinh <https://tuyensinh.ueh.edu.vn> hoặc <https://vinhlong.ueh.edu.vn>

- Thí sinh được thực hiện điều chỉnh nguyện vọng đăng ký xét tuyển nhiều lần theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Trường hợp thí sinh được UEH-Phân hiệu Vĩnh Long thông báo trúng tuyển một phương thức, hay nhiều phương thức (PT xét tuyển thẳng, PT xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài và có chứng chỉ quốc tế, PT xét tuyển học sinh giỏi, PT xét tuyển tổ hợp môn, PT xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia - TP. Hồ Chí Minh đợt 1, 2023) thí sinh phải tiếp tục đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên hệ thống của Bộ GD&ĐT, thí sinh tự quyết định việc đặt thứ tự ưu tiên nguyện vọng khi đăng ký trên hệ thống Bộ GD&ĐT, trong đó nguyện vọng số 1 thể hiện nguyện vọng cao nhất.

- Sau khi UEH-Phân hiệu Vĩnh Long công bố kết quả trúng tuyển cho tất cả các phương thức (PT xét tuyển thẳng, PT xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài và có chứng chỉ

quốc tế, PT xét tuyển học sinh giỏi, PT xét tuyển tổ hợp môn, PT xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia - TP.HCM đợt 1, năm 2023, PT xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023) thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học theo hình thức trực tuyến trên hệ thống của Bộ GD&ĐT trước khi nhập học tại UEH-Phân hiệu Vĩnh Long.

- Các mốc thời gian, địa điểm cụ thể được công bố và hướng dẫn trên Cổng thông tin tuyển sinh: <https://tuyensinh.ueh.edu.vn>

1.8. Chính sách ưu tiên.

Theo Quy định trong Quy chế tuyển sinh đại học; tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2023.

1.9. Lệ phí xét tuyển.

- Phương thức xét tuyển thẳng, xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023: Thí sinh đóng lệ phí theo quy định của Bộ GD&ĐT (*dự kiến 20.000đ/nguyên vọng/thí sinh*)

- Phương thức xét tuyển thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT nước ngoài và có chứng chỉ quốc tế; Phương thức xét tuyển học sinh Giỏi; Phương thức xét tuyển quá trình học tập theo tổ hợp môn; Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi đánh giá năng lực: Thí sinh đóng lệ phí 30.000VNĐ/thí sinh/phương thức.

Trong các đợt xét tuyển bổ sung (nếu có), thí sinh thực hiện ĐKXT và nộp lệ phí theo quy định của Phân hiệu Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh tỉnh Vĩnh Long.

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa từng năm.

1.10.1. Học phí chương trình chuẩn (bằng 70% học phí của cơ sở tại TP.HCM)

Đơn vị tính: đồng

Ngành học	Năm 1 2023-2024	Năm 2 2024-2025	Năm 3 2025-2026	Năm 4 2026-2027
Ngành/chuyên ngành	658.000đ/tín chỉ	770.000đ/tín chỉ	868.000đ/tín chỉ	980.000đ/tín chỉ

Đối với các học phần thực hành, đồ án, thực tế, ... của chương trình Robot và Trí tuệ nhân tạo: mức học phí tín chỉ = 1,2 x mức học phí tín chỉ học phần lý thuyết

1.10.2. Học phí tạm tính toàn khóa và học bổng Chương trình cử nhân Quốc tế Mekong học tại UEH - Phân hiệu Vĩnh Long và quốc tế

TRƯỜNG ĐẠI HỌC	TỔNG HỌC PHÍ	HỌC BỔNG	ĐIỀU KIỆN
GIAI ĐOẠN 1: 1,5 NĂM			
Phân hiệu UEH Vĩnh Long	210.000.000 VND (17.500.000VND/môn, 12 môn)	100% học phí	Xét điểm trung bình lớp 12 và có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương IELTS (Academic) 7.5 (các điểm thành phần 6.0).

		50% học phí	Xét điểm trung bình lớp 12 và có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương IELTS (Academic) 6.5 (các điểm thành phần 6.0).
		30% học phí	Xét điểm trung bình lớp 12 và có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương IELTS (Academic) 6.0 (các điểm thành phần 5.0).
GIAI ĐOẠN 2: 1,5 NĂM			
Western Sydney Việt Nam	210.000.000 VND (17.500.000VND/môn, 12 môn)	50% học phí	Xét kết quả học tập các môn học đầu tiên trong năm 1 và có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế PTE tăng ít nhất 1 bậc so với trình độ tiếng Anh đầu vào Giai đoạn 1.
		30% học phí	
Đại học Western Sydney, Úc	43.440 AUD (3.620 AUD/môn, 12 môn)	6.000 AUD	Nếu chuyển tiếp học tại WSU và đạt GPA 7.5 trở lên đối với các môn giai đoạn 1
		3.000 AUD	Nếu chuyển tiếp học tại WSU
Đại học Victoria Wellington, New Zealand	46.800 NZD (3.900 NZD/môn, 12 môn)	1/3 học phí 2 học kỳ đầu	Đạt điểm trung bình của các môn học tại cơ sở Phân hiệu UEH Vĩnh Long từ A- trở lên
Đại học University of Victoria, Canada (UVic)	35.268 CAD (2.939 CAD/môn, 12 môn)	1,200 CAD	Nếu đạt GPA 8.0 trở lên đối với các môn giai đoạn 1

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt bổ sung trong năm

Tuyển sinh bổ sung đợt 1: UEH-Phân hiệu Vĩnh Long chỉ thực hiện tuyển sinh bổ sung đợt 1 trong trường hợp tuyển sinh đợt chính thức còn chỉ tiêu, tuyển sinh bổ sung đợt 1 thực hiện với các tiêu chí như sau:

1.11.1. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT theo quy định của Bộ GDĐT.

1.11.2. Phạm vi tuyển sinh:

- **Tuyển sinh trong cả nước đối với các ngành:** Kinh doanh nông nghiệp, Thương mại điện tử, Quản trị khách sạn, Ngôn ngữ Anh, Logistic và Quản lý chuỗi cung ứng, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo, Robot và trí tuệ nhân tạo (hệ kỹ sư), chương trình cử nhân quốc tế Mekong.

- **Các ngành khác:** Tuyển sinh đối với học sinh có hộ khẩu thường trú tại 13 tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long (bao gồm: An Giang, Bạc Liêu, Bến Tre, Cà Mau, Cần Thơ, Đồng Tháp, Hậu Giang, Kiên Giang, Long An, Sóc Trăng, Tiền Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long)..

1.11.3. Phương thức tuyển sinh: Theo quy định của Phân hiệu Trường Đại học Kinh tế TP.HCM tại tỉnh Vĩnh Long.

- **Xét tuyển dựa trên kết quả thi THPT năm 2023 (Mã phương thức: 100):** Thí sinh đạt yêu cầu về ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của UEH- Phân hiệu Vĩnh Long.

- **Xét tuyển quá trình học tập theo tổ hợp môn (Mã phương thức: 202):** Học sinh có điểm trung bình tổ hợp môn đăng ký xét tuyển từ 6.50 trở lên cho các năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12 của chương trình THPT theo hình thức giáo dục chính quy và tốt nghiệp THPT.

1.11.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:

Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh và số thí sinh trúng tuyển đã xác nhận nhập học tại UEH-Phân hiệu Vĩnh Long (trong đợt chính thức), Hội đồng Tuyển sinh xem xét, thông báo trên Cổng tuyển sinh <https://tuyensinh.ueh.edu.vn> hoặc <https://vinhlong.ueh.edu.vn>.

1.11.5. Nguyên tắc tuyển sinh:

Điểm xét tuyển sẽ xét tuyển thí sinh có điểm từ cao đến thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu. Trong trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét tuyển ở cuối danh sách và vượt chỉ tiêu tuyển sinh, UEH-Phân hiệu Vĩnh Long sử dụng tiêu chí phụ để xét tuyển như sau: Điểm trung bình môn Toán lớp 12 từ cao đến thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.

1.11.6. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian, hình thức nhận đăng ký xét tuyển

Thời gian đăng ký xét tuyển: Do Hiệu trưởng quy định, phù hợp phương thức tổ chức đào tạo, khung kế hoạch thời gian năm học tại UEH-Phân hiệu Vĩnh Long và thông báo trên Cổng thông tin tuyển sinh: <https://tuyensinh.ueh.edu.vn> hoặc <https://vinhlong.ueh.edu.vn>.

1.11.7. Lệ phí xét tuyển:

Thí sinh nộp lệ phí theo quy định của Bộ GD&ĐT và của UEH-Phân hiệu Vĩnh Long và thông báo trên Cổng thông tin tuyển sinh: <https://tuyensinh.ueh.edu.vn> hoặc <https://vinhlong.ueh.edu.vn>.

1.12. Các nội dung khác

1.12.1. Chính sách học bổng chương trình chuẩn

- Học bổng tuyển sinh

Học bổng	Số suất	Giá trị học bổng	Ghi chú
Học bổng xuất sắc	05	14.940.000 đồng/suất	Bằng 150% học phí học kỳ đầu
Học bổng toàn phần	15	9.960.000 đồng/suất	Bằng 100% học phí học kỳ đầu
Học bổng bán phần	36	4.980.000 đồng/suất	Bằng 50% học phí học kỳ đầu

- Học bổng hỗ trợ học tập

Học bổng	Số suất	Giá trị học bổng	Ghi chú
Học bổng toàn phần	05	9.960.000 đồng/suất	Bằng 100% học phí học kỳ đầu

Học bổng bán phần	10	4.980.000 đồng/suất	Bằng 50% học phí học kỳ đầu
<p>ĐẶC BIỆT: 100% sinh viên tại Phân hiệu Vĩnh Long theo học 3 chương trình đào tạo (Công nghệ và đổi mới sáng tạo; Robot và trí tuệ nhân tạo (hệ kỹ sư) và Kinh doanh nông nghiệp) có hộ khẩu tại khu vực ĐBSCL được nhận học bổng 100% học phí học kỳ đầu (đối với sinh viên có tiêu chí xét tuyển đạt loại giỏi), 50% học phí học kỳ đầu (sinh viên còn lại).</p>			

Lưu ý:

- Giá trị học bổng tính theo học phí chương trình Chuẩn.
- UEH - Phân hiệu Vĩnh Long sẽ có thông báo cụ thể quy định học bổng tại website <https://vinhlong.ueh.edu.vn> hoặc <https://tuyensinh.ueh.edu.vn/>.

1.12.2. Học bổng Mekong Talent 100 (chương trình cử nhân quốc tế Mekong):

- **Học bổng 100%:** Phân bổ mỗi tỉnh 01 suất và sinh viên quốc tế.
- **Học bổng 50%:** Xét điểm trung bình lớp 12 và có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương IELTS (Academic) 6.5 (các điểm thành phần 6.0).
- **Học bổng 30%:** Xét điểm trung bình lớp 12 và có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương IELTS (Academic) 6.0 (các điểm thành phần 5.0).

Giai đoạn chuyển tiếp sinh viên sẽ được xét nhận học bổng theo mức học bổng từ trường Đại học sinh viên chuyển tiếp.

1.12.3 Cam kết về chất lượng

Các chương trình đào tạo ĐHCQ tại UEH-Phân hiệu Vĩnh Long hoàn toàn theo đúng các chương trình tiên tiến quốc tế của Trường Đại học Kinh tế TP.HCM với đội ngũ giảng viên được huy động từ cơ sở chính TP.HCM và bổ sung nguồn lực giảng viên đủ tiêu chuẩn tại UEH-Phân hiệu Vĩnh Long.

Phương châm truyền thông:

Học tại Vĩnh Long - Chất lượng, bằng cấp UEH, Sẵn sàng hội nhập quốc tế

1.12.4. Chính sách miễn, giảm học phí

- UEH-Phân hiệu Vĩnh Long thực hiện theo nghị định của Chính phủ và của UEH.
- Đối với các đối tượng chính sách: Trường thực hiện cấp bù học phí chênh lệch giữa mức thu học phí và mức hỗ trợ từ ngân sách.

1.12.5. Chính sách tín dụng học tập

- Thông tin chi tiết tại website: <https://dsa.ueh.edu.vn/>

1.13. Thông tin tuyển sinh các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

1.13.1. Thông tin về doanh nghiệp hợp tác đào tạo.

1.13.2. Các thông tin triển khai áp dụng cơ chế đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học. (không trái các quy định hiện hành).

1.14. Tài chính

- Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của Phân hiệu: 14.890.484.150 đ.
- Tổng chi phí đào tạo TB 1 SV/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: 19.760.000 đ.

2. Tuyển sinh đào tạo đại học chính quy với đối tượng tốt nghiệp từ cao đẳng trở lên

- Thông báo cụ thể Công tuyển sinh: www.tuyensinh.ueh.edu.vn

2.1. Liên thông Đại học hình thức đào tạo chính quy

2.1.1. Đối tượng tuyển sinh:

- a. Điều kiện về văn bằng
- Bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng do các cơ sở đào tạo trong nước cấp;
 - Bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng do các cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công nhận theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
 - Hình thức đào tạo: chính quy;
 - Ngành ghi trên văn bằng cao đẳng của thí sinh phải phù hợp với ngành có đào tạo Liên thông ĐHCQ tại UEH-Phân hiệu Vĩnh Long.

b. Có đủ sức khỏe để học tập.

c. Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Hội đồng tuyển sinh.

2.1.2. Phạm vi tuyển sinh:

- UEH-Phân hiệu Vĩnh Long tuyển sinh trong cả nước

2.1.3. Phương thức tuyển sinh:

- Phương thức thi tuyển hoặc xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển với xét tuyển do Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh quyết định theo quy định hiện hành về tuyển sinh đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu chính quy (dự kiến)	Số QĐ mở ngành (Gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành QĐ	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc Trường tự chủ QĐ	Năm bắt đầu đào tạo CSC	Năm bắt đầu đào tạo PHVL
1.	ĐH	7340101	Quản trị kinh doanh	30	1594/QĐ-ĐHKT-ĐBCL	12/05/2014	Trường tự chủ QĐ	2014	2023
2.	ĐH	7340301	Kế toán	30	1594/QĐ-ĐHKT-ĐBCL	12/05/2014	Trường tự chủ QĐ	2014	2023
Tổng:				60					

2.1.5. Ngưỡng đầu vào.

- Theo thông báo tuyển sinh cụ thể từng đợt tại website www.tuyensinh.ueh.edu.vn

2.1.6. Các thông tin khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường.

- Tên trường: PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH TẠI TỈNH VĨNH LONG (UEH-PHÂN HIỆU VĨNH LONG)
- Địa chỉ: Số 1B Nguyễn Trung Trực, Phường 8, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
- Mã trường: KSV
- Điện thoại: (0270) 3823.443; Hotline: 0907.253.256 - 0899.00.29.39.
- Cổng tuyển sinh: www.tuyensinh.ueh.edu.vn

2.1.7. Tổ chức tuyển sinh:

a. Hồ sơ dự tuyển gồm có:

- Hồ sơ sinh viên (theo mẫu của UEH);
- Phiếu đăng ký học Liên thông ĐHCQ;
- 02 (hai) Bản sao bằng tốt nghiệp Cao đẳng hệ chính quy;
- 01 (một) Bản sao kết quả học tập, ghi rõ tên môn học, số tín chỉ, điểm từng môn. Trường hợp tốt nghiệp Cao đẳng chính quy theo hình thức liên thông, thí sinh cần bổ sung thêm bản sao bằng tốt nghiệp và bản sao kết quả học tập bậc trung cấp;
- 01 (một) Bản sao giấy khai sinh (hoặc CMND/CCCD có đầy đủ ngày tháng năm sinh);
- 01 (một) ảnh 3x4cm chụp theo kiểu CMND (ghi rõ họ tên phía sau ảnh).

b. Hình thức nhận hồ sơ ĐKXT:

- Theo thông báo tuyển sinh cụ thể từng đợt tại Cổng tuyển sinh: www.tuyensinh.ueh.edu.vn

2.1.8. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển.

- Lệ phí xét tuyển: 200.000 đồng/hồ sơ

2.1.9. Học phí dự kiến; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có).

- Học phí dự kiến; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm: Học kỳ đầu năm 2023 là 658.000 đồng/tín chỉ (học phí bằng 70% so với cơ sở chính).

2.1.10. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm.

- Trường dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm vào các tháng 3, 6, 9, 12

2.2. Liên thông Đại học - Đại học (Văn bằng 2) hình thức đào tạo chính quy

2.2.1. Đối tượng tuyển sinh:

- Người dự tuyển Văn bằng 2 hình thức đào tạo chính quy (ĐHCQ) đã có bằng tốt nghiệp Đại học (hình thức đào tạo chính quy). Trường hợp văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam hoặc cơ sở giáo dục hoạt động hợp pháp ở nước ngoài cấp: văn bằng phải được công nhận theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.2.2. Phạm vi tuyển sinh:

- UEH-Phân hiệu Vĩnh Long tuyển sinh trong cả nước.

2.2.3. Phương thức tuyển sinh:

- Xét tuyển dựa vào kết quả học tập văn bằng đại học thứ 1 (hoặc thi tuyển hoặc xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển với xét tuyển do Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh quyết định theo quy định hiện hành về tuyển sinh đại học của Bộ GDĐT).

2.2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu chính quy (dự kiến)	Số QĐ đào tạo bằng TN đại học thứ 2	Ngày tháng năm ban hành QĐ	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc Trường tự chủ QĐ	Năm bắt đầu đào tạo tại UEH	Năm bắt đầu tuyển sinh tại Phân hiệu
1	ĐH	7340301	Kế toán	20	Công văn số 1065/ĐH ngày 16/02/1998 của Bộ GD&ĐT về việc đào tạo và cấp văn bằng thứ hai của Đại học Kinh tế TP.HCM	16/02/1998	Bộ GD&ĐT	2012	2023
2	ĐH	7340101	Quản trị kinh doanh	20				1998	2023
Tổng:				40					

2.2.5. Ngưỡng đầu vào

- Theo thông báo tuyển sinh cụ thể từng đợt tại website www.tuyensinh.ueh.edu.vn

2.2.6. Các thông tin khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường.

- Tên trường: PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH TẠI TỈNH VĨNH LONG (UEH-PHÂN HIỆU VĨNH LONG)

- Địa chỉ: Số 1B Nguyễn Trung Trực, Phường 8, TP.Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

- Mã trường: KSV

- Điện thoại: (0270) 3823.443; Hotline: 0907.253.256 - 0899.00.29.39.

- Công tuyển sinh: www.tuyensinh.ueh.edu.vn

2.2.7. Tổ chức tuyển sinh

a. Hồ sơ dự tuyển gồm có:

- Hồ sơ sinh viên;

- Phiếu đăng ký học Văn bằng 2 ĐHCQ;

- 02 (hai) Bản sao (photo công chứng) bằng tốt nghiệp Đại học hệ chính quy;

- 01 (một) Bản sao (photo công chứng) kết quả học tập, ghi rõ tên môn học, số tín chỉ, điểm từng môn. Trường hợp tốt nghiệp ĐHCQ theo hình thức liên thông, thí sinh cần bổ sung thêm bản sao bằng tốt nghiệp và bản sao kết quả học tập bậc cao đẳng;

- 01 (một) Bản sao (photo công chứng) giấy khai sinh (hoặc CMND/CCCD có đầy đủ ngày tháng năm sinh);

- 01 (một) ảnh 3x4cm chụp theo kiểu CMND (ghi rõ họ tên phía sau ảnh).

b. Hình thức nhận hồ sơ ĐKXT:

- Theo thông báo tuyển sinh cụ thể từng đợt tại Công tuyển sinh: www.tuyensinh.ueh.edu.vn

2.2.8. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển.

- Lệ phí xét tuyển: 200.000 đồng/hồ sơ

2.2.9. Học phí dự kiến; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có).

- Học phí dự kiến; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm: Học kỳ đầu năm 2023: 658.000 đồng/tín chỉ (học phí bằng 70% so với cơ sở chính).

2.2.10. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

- Trường dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm vào các tháng 3, 6, 9, 12

2. Tuyển sinh đào tạo đại học, cao đẳng chính quy với đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên: Thông báo cụ thể website <http://dttx.ueh.edu.vn/tuyensinh> hoặc Cổng tuyển sinh: <https://tuyensinh.ueh.edu.vn>

III. Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học (Mẫu số 01): Đường link công khai tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học trên trang thông tin điện tử của trường: <http://dttx.ueh.edu.vn/> hoặc Cổng tuyển sinh: <https://tuyensinh.ueh.edu.vn>

IV. Tuyển sinh đào tạo từ xa

Phân hiệu Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh tại tỉnh Vĩnh Long không tuyển sinh và đào tạo từ xa.

**PHÒNG TS-TT
PHÓ PHÒNG
Kê khai**



Nguyễn Thái Bình
(Điện thoại: 0918310123
Email: binhngt@ueh.edu.vn)

GIÁM ĐỐC



TS. Bùi Quang Hùng

III. Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học

1. Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học đối tượng tốt nghiệp THPT

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh

- Thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.2. Phạm vi tuyển sinh

- UEH-Phân hiệu Vĩnh Long tuyển sinh trong cả nước

1.3. Phương thức tuyển sinh

- UEH-Phân hiệu Vĩnh Long tuyển sinh theo phương thức xét tuyển:

1.3.1. Phương thức xét tuyển thẳng

- Thí sinh thuộc đối tượng xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GDĐT.
- Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học.

1.3.2. Phương thức xét tuyển

1.3.2.1. Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT

- Đối tượng: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT kể từ năm 2015, có tổng điểm trung bình 03 (ba) môn thi thuộc một trong các tổ hợp xét tuyển đạt mức điểm do Hội đồng tuyển sinh quy định.

- Các tổ hợp xét tuyển: Có 4 tổ hợp xét tuyển, gồm:

Tổ hợp 1: Toán - Vật lý - Hóa học

Tổ hợp 2: Toán - Vật lý - Tiếng Anh

Tổ hợp 3: Toán - Hóa học - Tiếng Anh

Tổ hợp 4: Toán - Ngữ Văn - Tiếng Anh

1.3.2.2. Xét tuyển theo kết quả học tập bậc trung học (học bạ)

- Đối tượng: Thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc bổ túc THPT đạt một trong các điều kiện sau:

+ Có tổng điểm trung bình 3 môn học theo các tổ hợp xét tuyển ở mục 1.3.2.1 của cả năm học lớp 12 đạt mức điểm do Hội đồng tuyển sinh quy định.

+ Hoặc có tổng điểm trung bình 3 môn học theo các tổ hợp xét tuyển ở mục 1.3.2.1 cho các năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 của chương trình THPT đạt mức điểm do Hội đồng tuyển sinh quy định.

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã PT xét tuyển	Tên PT xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số VB đào tạo VLVH	Ngày tháng năm ban hành QĐ	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm đào tạo tại CSC	Năm đào tạo tại PHVL
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	
1.	Đại học	7340101	Quản trị kinh doanh			30	1966/QĐ-ĐHKT-ĐBCLPTCT	11/8/2021	2377/QĐ-TTg	2016	2022
2.	Đại học	7340301	Kế toán			30	1966/QĐ-ĐHKT-ĐBCLPTCT	11/8/2021	2377/QĐ-TTg	2016	2022
Tổng						60					

Ghi chú: Trong quá trình thực hiện, Phân hiệu có thể sử dụng chỉ tiêu tuyển sinh hệ VLVH theo chỉ tiêu phân bổ từ Cơ sở chính học tại Phân hiệu Vĩnh Long

1.5. Ngưỡng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển

- Thông báo cụ thể website <http://dtx.ueh.edu.vn/tuyensinh> hoặc Cổng tuyển sinh: <https://tuyensinh.ueh.edu.vn> hoặc <https://vinhlong.ueh.edu.vn>.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh đăng ký dự tuyển

1.6.1. Thông tin trường

- Tên trường: **PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH TẠI TỈNH VĨNH LONG**

- Địa chỉ: 1B Nguyễn Trung Trực, Phường 8, Tp. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Mã trường: **KSV**

- Điện thoại: (0270) 3823.443; Hotline: 0907.253.256 - 0899.00.29.39.

1.7. Tổ chức tuyển sinh

- Tổ chức tuyển sinh 04 (bốn) đợt trong năm, vào các tháng 3, 6, 9, 12.

- Hình thức nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển: Theo thông báo tuyển sinh cụ thể từng đợt tại website <http://dtx.ueh.edu.vn/tuyensinh> hoặc Cổng tuyển sinh: <https://tuyensinh.ueh.edu.vn> hoặc <https://vinhlong.ueh.edu.vn>.

- Hồ sơ đăng ký dự tuyển gồm có:

+ Một (01) Phiếu tuyển sinh có dán ảnh màu và đóng dấu giáp lai của cơ quan xác nhận hồ sơ (theo mẫu của UEH);

+ Đối với thí sinh diện tuyển thẳng: Nộp ba (03) bản sao bằng tốt nghiệp đại học và 01 bản sao Bảng điểm toàn khóa học;

+ Đối với thí sinh diện xét tuyển: Nộp ba (03) bản sao bằng tốt nghiệp THPT/Bỏ túc THPT hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời còn trong thời hạn quy định và một (01) bản sao học bạ THPT;

+ Giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên, tuyển thẳng (nếu có);

+ Một (01) bản sao giấy khai sinh;

+ Một (01) Hồ sơ hoàn thành thủ tục nhập học ĐH Vừa làm vừa học dán 01 ảnh màu cỡ 3x4 (theo mẫu của UEH).

1.8. Chính sách ưu tiên

Xét tuyển thẳng đối tượng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo quy định của UEH.

1.9. Lệ phí xét tuyển

- Lệ phí xét tuyển: 200.000đồng/hồ sơ (dự kiến), Trường sẽ có thông báo cụ thể trên Website <http://dtx.ueh.edu.vn/tuyensinh> hoặc <https://tuyensinh.ueh.edu.vn> hoặc <https://vinhlong.ueh.edu.vn>.

1.10. Học phí dự kiến, lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)

- Học phí 486.000 đồng/tín chỉ (Mức học phí bằng 80% Cơ sở chính).

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh trong năm

- Trường dự kiến tuyển sinh vào các tháng 3, 6, 9, 12

2. Tuyển sinh đào tạo đại học vừa làm vừa học với đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp

trở lên: Thông báo cụ thể website <http://dtx.ueh.edu.vn/tuyensinh> hoặc Cổng tuyển sinh: <https://tuyensinh.ueh.edu.vn>

2.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp Trung cấp/Cao đẳng/Đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc gia có ngành đào tạo là ngành đúng ngành phù hợp, hoặc ngành khác so với ngành đăng ký dự tuyển.

2.2. Phạm vi tuyển sinh

- UEH-Phân hiệu Vĩnh Long tuyển sinh trong cả nước.

2.3. Phương thức tuyển sinh

2.3.1. Đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp Trung cấp/Cao đẳng: Trường xét điểm trung bình toàn khóa bậc học Trung cấp/Cao đẳng từ cao xuống thấp đến khi đủ chỉ tiêu.

2.3.2. Đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp Đại học: Xét tuyển dựa trên kết quả tốt nghiệp Văn bằng 1.

2.3.2.1. Xét tuyển thẳng: Thí sinh đã tốt nghiệp Đại học chính quy của trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

2.3.2.2. Xét tuyển đối với các đối tượng không thuộc diện xét tuyển thẳng: Xét theo điểm trung bình toàn khóa bậc Đại học, từ cao xuống thấp đến khi đủ chỉ tiêu.

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh

Stt	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản đào tạo VLVH	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo	Năm bắt đầu đào tạo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	
1.	ĐH	7340101	Quản trị kinh doanh			30	1967/QĐ-ĐHKT-ĐBCLPTCT	11/8/2021	Trường Đại học Kinh tế TP.HCM	2016	2023
2.	ĐH	7340301	Kế toán			30	1967/QĐ-ĐHKT-ĐBCLPTCT	11/8/2021	Trường Đại học Kinh tế TP.HCM	2016	2023
Tổng						60					

2.5. Ngưỡng đầu vào

- Theo thông báo tuyển sinh cụ thể từng đợt tại website www.tuyensinh.ueh.edu.vn

2.6. Các thông tin khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường

- Tên trường: **PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH TẠI TỈNH VĨNH LONG**

- Địa chỉ: 1B Nguyễn Trung Trực, Phường 8, Tp. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Mã trường: **KSV**

- Điện thoại: (0270) 3823.443; Hotline: 0907.253.256 - 0899.00.29.39.

2.7. Tổ chức tuyển sinh

a. Hồ sơ dự tuyển gồm có:

+ Phiếu tuyển sinh (theo mẫu của UEH);

+ Ba (03) bản sao bằng tốt nghiệp Đại học/Cao đẳng/Trung cấp. *Trường hợp thí sinh có bằng Cao đẳng nghề hoặc Trung cấp nghề thì phải bổ sung thêm bằng tốt nghiệp THPT;*

+ Bản sao Bảng điểm toàn khóa học. *Trường hợp tốt nghiệp Đại học theo hình thức liên thông, thí sinh cần bổ sung thêm bản sao văn bằng tốt nghiệp và bản sao kết quả học tập bậc Cao đẳng/Trung cấp;*

+ Bản sao giấy khai sinh/CMND/CCCD;

+ Hồ sơ hoàn thành thủ tục nhập học đại học Vừa làm vừa học dán 01 ảnh cỡ 3x4.

b. Hình thức nhận hồ sơ ĐKXT: Theo thông báo tuyển sinh cụ thể từng đợt tại website <http://dttx.ueh.edu.vn/> hoặc Cổng tuyển sinh: www.tuyensinh.ueh.edu.vn

2.8. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển

- Lệ phí xét tuyển: 200.000 đồng/hồ sơ

2.9. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có).

- Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm: 486.000 đồng/tín chỉ (Mức học phí bằng 80% cơ sở chính; Tùy theo lộ trình sẽ có mức điều chỉnh trong ngưỡng 15% hàng năm).

2.10. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

- Trường dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm vào các tháng 3, 6, 9, 12

CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

1. Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/2022 (Người học)

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Quy mô đào tạo
A	SAU ĐẠI HỌC		0
1	Tiến sĩ		
2	Thạc sĩ		
B	ĐẠI HỌC		1202
3	Đại học chính quy		1163
3.1	Chính quy		
3.1.1	Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học		
3.1.1.1	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân		
3.1.1.1.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	18
3.1.2	Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)		
3.1.2.1	Kinh doanh và quản lý		
3.1.2.1.1	Quản trị kinh doanh	7340101	190
3.1.2.1.2	Marketing	7340115	126
3.1.2.1.3	Kinh doanh quốc tế	7340120	142
3.1.2.1.4	Thương mại điện tử	7340122	92
3.1.2.1.5	Tài chính - Ngân hàng	7340201	217
3.1.2.1.6	Kế toán	7340301	165
3.1.2.2	Pháp luật		
3.1.2.2.1	Luật kinh tế	7380107	67
3.1.2.3	Công nghệ kỹ thuật		
3.1.2.3.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	47
3.1.2.4	Nông lâm nghiệp và thủy sản		
3.1.2.4.1	Kinh doanh nông nghiệp	7620114	34
3.1.2.5	Nhân văn		
3.1.2.5.1	Ngôn ngữ Anh	7220201	65
3.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học		
3.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học		
3.4	Đào tạo chính quy với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên		
4	Đại học vừa làm vừa học		39
4.1	Vừa làm vừa học		
4.1.1	Kinh doanh và quản lý		
4.1.1.1	Quản trị kinh doanh	7340101	20
4.1.1.2	Kế toán	7340301	19
4.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học		
4.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học		
4.4	Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên		
5	Từ xa		
C	CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON		
6	Cao đẳng chính quy		

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Quy mô đào tạo
6.1	Chính quy		
6.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng chính quy		
6.3	Đào tạo chính quy đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng		
7	Cao đẳng vừa làm vừa học		
7.1	Vừa làm vừa học		
7.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng vừa làm vừa học		
7.3	Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng		

2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

2.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

Tên tài sản cố định	Diện tích đất (m ²)	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, NCKH (m ²)
Phân hiệu Vĩnh Long Số 01B Nguyễn Trung Trực, P.8, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	15.172	9.565,4	5.148
Phân hiệu Vĩnh Long Xã Phước Hậu, huyện Long Hồ	14.370,2	/	/
Tổng	29.454,2	9.565,4	5.148

Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: 350 chỗ (vệ sinh khép kín, wifi phủ sóng, căn tin, khu thể thao dành cho SV, hệ thống máy giặt, máy sấy tự phục vụ,...).

STT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	56	4224
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	3	1176
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	3	406
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	24	1618
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	0	0
1.5	Số phòng học đa phương tiện	0	0
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	26	1024
2	Thư viện, trung tâm học liệu	1	206
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	5	718
	Tổng	62	5148

2. Các thông tin khác

2.1. Thông tin giảng viên

2.2.1 Danh sách giảng viên toàn thời gian:

STT	Họ và tên	Trình độ đào tạo	Chuyên môn được đào tạo	Tham gia giảng dạy ngành đại học
1	Lê Hương Bình	Thạc sĩ	Quản lý tiền tệ và tài chính chuyên ngành	Công nghệ và đổi mới sáng tạo
2	Huỳnh Quang Duy	Thạc sĩ	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Công nghệ và đổi mới sáng tạo

STT	Họ và tên	Trình độ đào tạo	Chuyên môn được đào tạo	Tham gia giảng dạy ngành đại học
3	Lê Nguyễn Huệ Miên	Thạc sĩ	Kinh tế	Kế toán
4	Bùi Thanh Linh Tuyên	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	Kế toán
5	Nguyễn Văn Rớt	Thạc sĩ	Tài chính tín dụng	Kế toán
6	Hồ Thiện Quyền	Thạc sĩ	Kế toán	Kế toán
7	Lê Hoàng Phúc	Tiến sĩ	Kế toán	Kế toán
8	Lê Thanh Mỹ	Đại học	Kế toán	Kế toán
9	Nguyễn Hồng Nga	Thạc sĩ	Kế toán	Kế toán
10	Trần Thị Ánh Hồng	Thạc sĩ	Kế toán	Kế toán
11	Vũ Kiến Phúc	Thạc sĩ	Kế toán	Kế toán
12	Phan Thị Hà	Tiến sĩ	Triết học	Kinh doanh nông nghiệp
13	Trần Văn Viễn	Thạc sĩ	Chính trị học	Kinh doanh nông nghiệp
14	Đặng Thùy Linh	Thạc sĩ	Thương mại	Kinh doanh quốc tế
15	Trần Thị Lan Thảo	Thạc sĩ	Thương mại	Kinh doanh quốc tế
16	Trương Huỳnh Anh	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế
17	Phan Thị Thúy Kiều	Thạc sĩ	Tin học	Kinh doanh quốc tế
18	Trần Thị Hồng Cúc	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng	Kinh doanh quốc tế
19	Hồ Thị Phương Nam	Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Anh	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
20	Dương Nguyễn Thanh Phương	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
21	Lê Thị Thu Hiền	Thạc sĩ	Giảng dạy tiếng Anh cho những người nói các ngôn ngữ khác	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
22	Ngô Thị Thoại An	Thạc sĩ	Kinh doanh du lịch	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
23	Lê Trọng Hưng	Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn giáo dục chính trị	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
24	Nguyễn Đức Việt	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh và Cử nhân luật	Luật kinh tế
25	Nguyễn Ngọc Bảo Trúc	Thạc sĩ	Luật Kinh tế	Luật kinh tế
26	Phan Ngọc Mai	Đại học	Luật học	Luật kinh tế
27	Nguyễn Thùy Dung	Thạc sĩ	Luật Kinh tế	Luật kinh tế
28	Lê Đồng Dư	Đại học	Luật	Luật kinh tế
29	Phan Thị Thanh Quyên	Đại học	Luật	Luật kinh tế
30	Lê Thị Hạnh An	Thạc sĩ	Kinh tế	Marketing
31	Võ Thanh Trúc	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Marketing
32	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng	Marketing
33	Trần Ngọc Hòa	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng	Marketing
34	Nguyễn Thị Minh	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Marketing
35	Lê Thị Hồng Gấm	Thạc sĩ	Kỹ thuật phần mềm	Marketing
36	Phạm Minh Triết	Thạc sĩ	Du lịch	Marketing
37	Phạm Thành Quý	Thạc sĩ	Phương pháp và lý luận giảng dạy bộ môn tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh

STT	Họ và tên	Trình độ đào tạo	Chuyên môn được đào tạo	Tham gia giảng dạy ngành đại học
38	Ninh Hồng Hạnh	Thạc sĩ	Ngôn ngữ học ứng dụng	Ngôn ngữ Anh
39	Hồ Kim Thanh	Đại học	Sư phạm tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh
40	Trần Thị Tiếp	Đại học	Sư phạm Anh văn	Ngôn ngữ Anh
41	Trần Thị Thùy Dung	Thạc sĩ	Lý thuyết Xác suất và thống kê toán học	Ngôn ngữ Anh
42	Nguyễn Đình Thi	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị khách sạn
43	Đặng Thị Thúy An	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị khách sạn
44	Đỗ Kiên Trung	Tiến sĩ	Triết học	Quản trị kinh doanh
45	Nguyễn Phương Chi	Thạc sĩ	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	Quản trị kinh doanh
46	Trương Mỹ Hạnh Trinh	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
47	Nguyễn Thị Diễm	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng	Quản trị kinh doanh
48	Nguyễn Trung Tiến	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
49	Nguyễn Vũ Trâm Anh	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
50	Phan Thị Tiêm	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
51	Trần Thị Mỹ Liên	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng	Quản trị kinh doanh
52	Trương Thị Hoàng Oanh	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
53	Nguyễn Lý Kiều Chinh	Thạc sĩ	Lý thuyết Xác suất và thống kê toán học	Quản trị kinh doanh
54	Võ Kim Nhạn	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
55	Bùi Thị Cẩm Tú	Đại học	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
56	Đoàn Thị Thanh Hòa	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng
57	Lâm Thị Trúc Linh	Tiến sĩ	Kế toán	Tài chính - Ngân hàng
58	Lê Tuấn Mạnh	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng
59	Nguyễn Đức Vinh	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng
60	Nguyễn Quốc Bình	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng
61	Nguyễn Thị Thý Liễu	Thạc sĩ	Kinh tế tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng
62	Phạm Ngọc Phong	Thạc sĩ	Kinh tế tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng
63	Trương Thị Nhi	Thạc sĩ	Kinh tế tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng
64	Nguyễn Hoàng Long	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng
65	Trần Thị Thảo Quyên	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng
66	Đặng Thị Bảo Ngọc	Đại học	Kế toán kiểm toán	Thương mại điện tử
67	Nguyễn Ngọc Thọ	Đại học	Kế toán	Thương mại điện tử
68	Lê Thành Trung	Thạc sĩ	Hệ thống thông tin	Thương mại điện tử
69	Lê Duy Đồng	Thạc sĩ	Khoa học máy tính	Thương mại điện tử
70	Nguyễn Thị Xuân Đào	Thạc sĩ	Hệ thống thông tin	Thương mại điện tử
71	Lê Hoàng Sơn	Thạc sĩ	Khai thác tri thức từ dữ liệu	Trí tuệ nhân tạo
72	Nguyễn Đại Sơn	Thạc sĩ	Khoa học giáo dục	Trí tuệ nhân tạo

Tổng số giảng viên: 73 giảng viên

2.2.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng (Phụ lục IV đính kèm)

Phụ lục I: BẢNG QUY ĐỔI CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH QUỐC TẾ

Áp dụng trong các tiêu chí xét tuyển của Phương thức xét tuyển học sinh giỏi, Phương thức xét tuyển quá trình học tập theo tổ hợp môn, tuyển sinh Đại học năm 2023 của Phân hiệu Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh tại tỉnh Vĩnh Long

*(Kèm theo Đề án số: 52/ĐA-PHVL ngày 15 tháng 2 năm 2023
của Phân hiệu Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh tại tỉnh Vĩnh Long)*

IELTS (Academic)	TOEFL iBT
9.0	118 - 120
8.5	115 - 117
8.0	112 - 114
7.5	105 - 111
7.0	96 - 104
6.5	85 - 95
6.0	73 - 84

Phụ lục II: DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG THPT CHUYÊN, NĂNG KHIẾU
Áp dụng trong các tiêu chí xét tuyển của Phương thức xét tuyển học sinh Giỏi, Phương
thức xét tuyển quá trình học tập theo tổ hợp môn tuyển sinh Đại học năm 2023 của Phân
hiệu Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh tại tỉnh Vĩnh Long

*(Kèm theo Đề án số: 52/ĐA-PHVL ngày 15 tháng 02 năm 2023
của Phân hiệu Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh tại tỉnh Vĩnh Long)*

TT	Mã tỉnh Mã Trường THPT	Trường	Tỉnh/Thành phố	Quận/Huyện/Thị xã	Ghi chú
1	01009	THPT chuyên Đại học Sư phạm	Hà Nội	Quận Cầu Giấy	
2	01010	THPT chuyên Hà Nội Amsterdam	Hà Nội	Quận Cầu Giấy	
3	01013	THPT chuyên Ngữ ĐH Ngoại ngữ	Hà Nội	Quận Cầu Giấy	
4	01011	THPT chuyên Khoa học tự nhiên	Hà Nội	Quận Thanh Xuân	
5	01012	THPT chuyên Nguyễn Huệ	Hà Nội	Quận Hà Đông	
6	02004	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	TP. Hồ Chí Minh	Quận 1	
7	02016	THPT chuyên Lê Hồng Phong	TP. Hồ Chí Minh	Quận 5	
8	02019	Trường Phổ thông Năng khiếu, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Quận 5	
9	03013	THPT chuyên Trần Phú	Hải Phòng	Quận Hải An	
10	04005	THPT chuyên Lê Quý Đôn	Đà Nẵng	Quận Sơn Trà	
11	05012	THPT chuyên Hà Giang	Hà Giang	Thành phố Hà Giang	
12	06004	THPT chuyên Cao Bằng	Cao Bằng	Thành phố Cao Bằng	
13	07001	THPT chuyên Lê Quý Đôn	Lai Châu	Thành Phố Lai Châu	
14	08018	THPT chuyên Lào Cai	Lào Cai	Thành phố Lào Cai	
15	09009	THPT chuyên Tuyên Quang	Tuyên Quang	Thành phố Tuyên Quang	
16	10002	THPT chuyên Chu Văn An	Lạng Sơn	Thành phố Lạng Sơn	
17	11019	THPT chuyên Bắc Kạn	Bắc Kạn	Thành phố Bắc Kạn	
18	12010	THPT chuyên Thái Nguyên	Thái Nguyên	Thành phố Thái Nguyên	
19	13001	THPT chuyên Nguyễn Tất Thành	Yên Bái	Thành phố Yên Bái	
20	14004	THPT chuyên Sơn La	Sơn La	Thành phố Sơn La	
21	15001	THPT chuyên Hùng Vương	Phú Thọ	Thành phố Việt Trì	
22	16012	THPT chuyên Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	Thành phố Vĩnh Yên	
23	17001	THPT chuyên Hạ Long	Quảng Ninh	Thành phố Hạ Long	
24	18012	THPT chuyên Bắc Giang	Bắc Giang	Thành phố Bắc Giang	
25	19009	THPT chuyên Bắc Ninh	Bắc Ninh	Thành phố Bắc Ninh	
26	21013	THPT chuyên Nguyễn Trãi	Hải Dương	TP.Hải Dương	
27	22011	THPT chuyên Hưng Yên	Hưng Yên	Thành phố Hưng Yên	
28	23012	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ	Hoà Bình	Thành phố Hòa Bình	

TT	Mã tỉnh Mã Trường THPT	Trường	Tỉnh/Thành phố	Quận/Huyện/Thị xã	Ghi chú
29	24011	THPT chuyên Biên Hòa	Hà Nam	Thành phố Phủ Lý	
30	25002	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Nam Định	Thành phố Nam Định	
31	26002	THPT chuyên Thái Bình	Thái Bình	Thành phố Thái Bình	
32	27010	THPT Chuyên Lương Văn Tụy (Từ ngày 05/09/2020 đến 04/6/2021)	Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình	
	27011	THPT Chuyên Lương Văn Tụy (Từ sau ngày 04/6/2021)			
33	28010	THPT chuyên Lam Sơn	Thanh Hoá	Thành phố Thanh Hóa	
34	29006	THPT chuyên Phan Bội Châu	Nghệ An	Thành phố Vinh	
35	29007	THPT chuyên ĐH Vinh	Nghệ An	Thành phố Vinh	
36	30040	THPT chuyên Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	Thành phố Hà Tĩnh	
37	31004	THPT chuyên Võ Nguyên Giáp	Quảng Bình	Thành phố Đồng Hới	
	31620	THPT Chuyên Quảng Bình			
38	32024	THPT chuyên Lê Quý Đôn	Quảng Trị	Thành phố Đông Hà	
39	33001	THPT chuyên Quốc Học	Thừa Thiên-Huế	Thành phố Huế	
40	33010	THPT chuyên Đại học Khoa học, Đại học Huế	Thừa Thiên-Huế	Thành phố Huế	
41	34007	THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm	Quảng Nam	Thành phố Tam Kỳ	
42	34010	THPT chuyên Lê Thánh Tông	Quảng Nam	Thành phố Hội An	
43	35013	THPT chuyên Lê Khiết	Quảng Ngãi	Thành phố Quảng Ngãi	
44	36003	THPT chuyên Nguyễn Tất Thành	Kon Tum	Thành phố Kon Tum	
45	37003	THPT chuyên Lê Quý Đôn	Bình Định	Thành phố Quy Nhơn	
46	37081	THPT chuyên Chu Văn An (trước ngày 01/6/2020)	Bình Định	Hoài Nhơn	
	37091	THPT chuyên Chu Văn An (từ 6/2020)			
47	38005	THPT chuyên Hùng Vương (trước 04/6/2021)	Gia Lai	Thành phố Pleiku	
	38105	Trường THPT Chuyên Hùng Vương (Sau ngày 04/6/2021)	Gia Lai	Thành phố Pleiku	
48	39005	THPT Chuyên Lương Văn Chánh (Trước 25/1/2017)	Phú Yên	Thành phố Tuy Hòa	
	39070	THPT Chuyên Lương Văn Chánh (Từ 25/01/2017)	Phú Yên	Thành phố Tuy Hòa	
49	40024	THPT chuyên Nguyễn Du	Đắk Lắk	Thành phố Buôn Ma Thuột	
50	41017	THPT chuyên Lê Quý Đôn	Khánh Hoà	Thành phố Nha Trang	
51	42008	THPT chuyên Thăng Long (trước ngày 04/6/2021)	Lâm Đồng	Thành phố Đà Lạt	

TT	Mã tỉnh Mã Trường THPT	Trường	Tỉnh/Thành phố	Quận/Huyện/Thị xã	Ghi chú
	42172	THPT chuyên Thăng Long (sau ngày 04/6/2021)			
52	42093	THPT chuyên Bảo Lộc (trước ngày 04/6/2021)	Lâm Đồng	Thành phố Bảo Lộc	
	42184	THPT chuyên Bảo Lộc (sau ngày 04/6/2021)			
53	43003	THPT chuyên Quang Trung (trước ngày 04/6/2021)	Bình Phước	Thị xã Đồng Xoài	
	43048	THPT chuyên Quang Trung (sau ngày 04/6/2021)			
54	43042	THPT chuyên Bình Long	Bình Phước	Thị xã Bình Long	
55	44002	THPT chuyên Hùng Vương	Bình Dương	Thành phố Thủ Dầu Một	
56	45017	THPT chuyên Lê Quý Đôn	Ninh Thuận	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	
57	46003	THPT chuyên Hoàng Lê Kha	Tây Ninh	Thành phố Tây Ninh	
58	47013	THPT chuyên Trần Hưng Đạo	Bình Thuận	Thành phố Phan Thiết	
59	48001	THPT chuyên Lương Thế Vinh	Đồng Nai	Thành phố Biên Hòa	
60	49060	THPT chuyên Long An	Long An	Thành phố Tân An	
61	49072	THPT Năng khiếu Đại học Tân Tạo	Long An	Huyện Đức Hòa	
62	50016	THPT chuyên Nguyễn Đình Chiểu	Đồng Tháp	Thành phố Sa Đéc	
63	50023	THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu	Đồng Tháp	Thành phố Cao Lãnh	
64	51002	THPT chuyên Thoại Ngọc Hầu	An Giang	Thành phố Long Xuyên	
65	51008	THPT chuyên Thủ Khoa Nghĩa	An Giang	Thành phố Châu Đốc	
66	52004	THPT chuyên Lê Quý Đôn	Bà Rịa- Vũng Tàu	Thành phố Vũng Tàu	
67	53016	THPT chuyên Tiền Giang	Tiền Giang	Thành phố Mỹ Tho	
68	54002	THPT chuyên Huỳnh Mãn Đạt	Kiên Giang	Thành phố Rạch Giá	
69	55013	THPT chuyên Lý Tự Trọng	Cần Thơ	Quận Bình Thủy	
70	56030	THPT chuyên Bến Tre	Bến Tre	Thành phố Bến Tre	
71	57015	THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm	Vĩnh Long	Thành phố Vĩnh Long	
72	58012	THPT chuyên Nguyễn Thiện Thành	Trà Vinh	Thành phố Trà Vinh	
	58054	THPT Chuyên Trà Vinh (trước 26/4/2014)			
73	59003	THPT chuyên Nguyễn Thị Minh Khai	Sóc Trăng	Thành phố Sóc Trăng	
74	60009	THPT chuyên Bạc Liêu	Bạc Liêu	Thành phố Bạc Liêu	
75	61016	THPT chuyên Phan Ngọc Hiển	Cà Mau	Thành phố Cà Mau	
76	62002	THPT chuyên Lê Quý Đôn	Điện Biên	Thành phố Điện Biên Phủ	

TT	Mã tỉnh Mã Trường THPT	Trường	Tỉnh/Thành phố	Quận/Huyện/Thị xã	Ghi chú
77	63037	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	Đắk Nông	Thị xã Gia Nghĩa	
78	64039	THPT chuyên Vị Thanh (từ trước 04/6/2021)	Hậu Giang	Thành phố Vị Thanh	
	64539	THPT chuyên Vị Thanh (từ sau 04/6/2021)			

Danh sách có 78 trường

Lưu ý: Danh sách trường chuyên sẽ được UEH-Phân hiệu Vĩnh Long cập nhật thay đổi khi có thay đổi từ danh mục trường chuyên từ UEH và từ Bộ GD&ĐT